

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025
HUYỆN KẾ SÁCH - TỈNH SÓC TRĂNG
(Tài liệu lấy ý kiến)



Năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
TỪ NGỮ VIẾT TẮT	3
ĐẶT VẤN ĐỀ	4
1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	4
2. Mục đích	5
3. Căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất.....	6
I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	8
1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	8
2. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024	16
3. Đánh giá kết quả chuyển đổi giữa các loại đất năm 2024	22
4. Đánh giá kết quả thu hồi đất năm 2024	23
5. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	24
6. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024	24
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025	27
1. Chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn huyện Kế Sách.....	27
2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện	32
4. Diện tích đất cần thu hồi	41
5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng.....	42
6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2025	42
III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	43
1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	43
2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	44
3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất.....	45
4. Các giải pháp khác	46
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	48
1. Kết luận.....	48
2. Kiến nghị	49

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 01: Danh mục các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024	9
Bảng 02: Danh mục công trình, dự án đang thực hiện, chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024.....	10
Bảng 03: Danh mục công trình, dự án đề xuất hủy bỏ, không chuyển tiếp	13
Bảng 04: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024	15
Bảng 05: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024	16
Bảng 06: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024.....	22
Bảng 07: Kết quả thực hiện thu hồi đất trong năm 2024.....	23
Bảng 08: Chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn huyện Kế Sách.....	27
Bảng 09: Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2025	32
Bảng 10: Danh mục công trình, dự án đăng ký Kế hoạch sử dụng đất 02 năm theo quy định tại Khoản 7, Điều 76 Luật Đất đai năm 2024.....	35
Bảng 11: Danh mục các công trình, dự án đăng ký mới năm 2025	36
Bảng 12: Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025	38
Bảng 13: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Kế Sách.....	40
Bảng 14: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Kế Sách	41

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BTNMT:	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CA:	Công an
DTTN:	Diện tích tự nhiên
ĐT:	Đường tỉnh
HĐND:	Hội đồng nhân dân
KH, HT:	Kế hoạch, hiện trạng
KHSDĐ:	Kế hoạch sử dụng đất
MG, TH, THCS, THPT:	Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông
QCVN:	Quy chuẩn Việt Nam
QL:	Quốc lộ
TT:	Thị trấn
UBND:	Ủy ban nhân dân

ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt không thể thay thế được, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng. Nét đặc trưng cơ bản của đất đai là cố định về vị trí, có hạn về không gian, vô hạn về thời gian và đa mục đích sử dụng. Quá trình khai thác sử dụng đất đai luôn gắn liền với quá trình phát triển xã hội. Xã hội càng phát triển thì nhu cầu sử dụng đất càng cao, trong khi đó đất đai lại có hạn, chính vì vậy việc sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững luôn là nhu cầu cấp thiết, đòi hỏi phải hoạch định kỹ càng và khoa học.

Luật đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 6 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018, trong đó, từ Điều 35 đến Điều 51 quy định về nguyên tắc lập; hệ thống, trách nhiệm, thẩm định và thẩm quyền quyết định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, v.v; và cụ thể tại Điều 37 quy định “Thời kỳ kế hoạch sử dụng đất quốc gia, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng và kế hoạch sử dụng đất an ninh là 05 năm; kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm”. Đồng thời, Chính phủ và Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành các quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Đây là những căn cứ pháp lý quan trọng để các cấp chủ động tiến hành tổ chức triển khai thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai nói chung và cấp huyện lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và sử dụng đất đai ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích và có hiệu quả cao.

Năm 2023, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật đất đai và để nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn ngày càng chặt chẽ, đúng mục đích và có hiệu quả, huyện đã tiến hành lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 29/12/2023. Kết quả, huyện đã thực hiện

hoàn thành nhiều công trình, dự án của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo các chỉ tiêu sử dụng đất của kế hoạch được duyệt nên góp phần thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện đề ra. Do đó, để công tác quản lý đất đai trên địa bàn đúng theo quy định của pháp luật, có hiệu quả cao và đảm bảo phân bổ quỹ đất đáp ứng kịp thời cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của giai đoạn 2021-2025 nói chung và năm 2025 nói riêng, thì việc lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách, là hết sức cần thiết.

2. Mục đích

- Điều tra, khảo sát, đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện về thực trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện, làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025.

- Đánh giá tình hình quản lý và kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024.

- Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh đã phân bổ cho huyện trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch.

- Xác định diện tích đất cần phải chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất trong năm kế hoạch trên cơ sở xem xét đơn đề nghị của người sử dụng đất.

- Dự kiến các nguồn thu từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong năm kế

hoạch sử dụng đất.

- Xác định các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

3. Căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

3.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;
- Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 25/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức kinh tế - kỹ thuật và lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết 178/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021, Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Sóc Trăng Thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 31/7/2024 của HĐND tỉnh Sóc Trăng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết 178/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 và Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 781/QĐ-UBND ngày 10/4/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất năm 2030 của huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng;

- Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Văn bản hướng dẫn và tài liệu, số liệu liên quan

- Công văn số 102/KH-UBND ngày 20/6/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về triển khai lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

- Công văn 2615/STNMT-CCQLĐĐ ngày 16/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng về việc khẩn trương hoàn thành và nộp sản phẩm trình thẩm định Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 cấp huyện;

- Quy hoạch tỉnh Sóc Trăng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Kế Sách;

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kế Sách;

- Báo cáo số 1386/BC-UBND ngày 08/10/2024 của UBND huyện Kế Sách về tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng đầu năm và nhiệm vụ chủ yếu 3 tháng cuối năm 2024;

- Nhu cầu sử dụng đất năm 2025 của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện Kế Sách;

- Kết quả thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện;

- Tài liệu, số liệu thống kê đất đai năm 2023;

- Niên giám thống kê huyện Kế Sách năm 2023;

- Các số liệu, tài liệu khác có liên quan.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kế Sách đã được UBND tỉnh Sóc Trăng phê duyệt tại Quyết định số 3466/QĐ-UBND ngày 29/12/2023. Đây là cơ sở pháp lý để huyện Kế Sách triển khai thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được duyệt trên địa bàn trong năm 2024 đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đạt kết quả theo từng chỉ tiêu, cụ thể như sau:

1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

- Kết quả thực hiện các công trình, dự án:

* Tổng số danh mục công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được duyệt là 29 công trình, dự án. Trong đó:

+ 08/29 công trình, dự án đã thực hiện xong, với tổng diện tích 6,19 ha (chiếm 27,59% tổng số công trình, dự án).

+ 17/29 công trình, dự án đang triển khai thực hiện các thủ tục về đất đai.

+ Công trình, dự án đề xuất không chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2025: 04/29 công trình, dự án với tổng diện tích 7,85 ha.

*** Các khu vực sử dụng đất khác:**

+ Công trình, dự án xây dựng trên nền hiện trạng: đã thực hiện xong 12/40 công trình, dự án (chiếm 30,00% tổng số công trình, dự án). Đề xuất không chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025: 05/40 công trình, dự án.

+ Khu vực giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: thực hiện được 01/12 hạng mục.

+ Khu vực kêu gọi đầu tư: chưa thực hiện được 08 hạng mục.

+ Khu vực bán đấu giá quyền sử dụng đất: chưa thực hiện được 19 hạng mục. Đề xuất không chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2025: 04 hạng mục.

Bảng 01: Danh mục các công trình, dự án đã thực hiện trong năm 2024

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Diện tích đã có QĐ TH, CMD sử dụng đất (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
I	Công trình, dự án thu hồi đất					
1	Khắc phục sạt lở bờ sông khẩn cấp Đường huyện 6, xã An Mỹ	2,90		2,90	2,90	X. An Mỹ
2	Gia cố và di dời các hộ dân ven sông có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (hạng mục: Bờ kè)	0,69		0,69	0,69	X. Thới An Hội X. An Lạc Tây X. Kế An X. Nhơn Mỹ
3	Trường Mẫu giáo An Mỹ, huyện Kế Sách	0,30		0,30	0,30	X. An Mỹ
4	Trường Mẫu giáo Hoa Mai, huyện Kế Sách	0,30		0,30	0,30	X. Kế Thành
5	Trường Mẫu giáo Hoa Hồng, huyện Kế Sách	0,60		0,60	0,60	X. Thới An Hội
6	Trường Mẫu giáo Thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách	0,50		0,50	0,50	TT. Kế Sách
7	Gia cố và di dời các hộ dân ven sông có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (hạng mục: Tái định cư)	1,60		1,60	1,60	TT. Kế Sách
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất					
1	Nhà Kho chứa Lúa Giống (hợp tác xã Nông Nghiệp Thành Phú thị trấn Kế Sách)	0,10		0,10	0,10	TT. Kế Sách
III	Công trình, dự án xây dựng trên nền hiện trạng					
*	Công trình đất giao thông (Nhà nước và nhân dân cùng làm)					
1	Đường GTNT thị trấn An Lạc Thôn (tuyến HL1 - nghĩa trang liệt sĩ cũ)	0,51	0,51			TT. An Lạc Thôn
2	Đường cấp kênh 5 bờ Đông (đoạn cầu An Bình - ông Tư Kho)	0,18	0,18			X. Đại Hải
3	Đường cấp kênh Lầu, kênh 30/4 (đoạn BND áp Trung Hải - Nhà ông Lê Văn Hòa)	1,00	1,00			X. Đại Hải
4	Xây mới đường đal đoạn nhà ông 7 Xem - ông 3 Thường	0,18	0,18			X. Phong Năm
5	Tuyến Cầu Trắng - kênh Mỹ Tập	0,22	0,22			X. Thới An Hội
6	Làm mới tuyến đường thôn Cư - kế An phần còn lại (ấp 8)	0,80	0,80			X. Trinh Phú
7	Tuyến Trường Thọ 5	0,39	0,39			X. An Mỹ
8	Tuyến rạch 5 Chích (Phụng An 1)	0,25	0,25			X. An Mỹ
9	Tuyến Phú Tây 2	0,53	0,53			X. An Mỹ
10	Tuyến rạch Xẻo Tre (Phụng An 2)	0,28	0,28			X. An Mỹ

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Diện tích đã có QĐ TH, CMD sử dụng đất (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
*	Đất xây dựng trụ sở cơ quan					
11	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND thị trấn Kế Sách	0,2620	0,2620			TT. Kế Sách
12	Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Thới An Hội	0,1283	0,1283			X. Thới An Hội
IV	Khu vực giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					
1	Cảng tổng hợp Cái Côn	9,75	8,19	1,56	1,56	TT. An Lạc Thôn

Bảng 02: Danh mục công trình, dự án đang thực hiện, chưa thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh					
1	Mở rộng trụ sở CA huyện Kế Sách	0,29		0,29	TT. Kế Sách	Thu hồi đất
2	Trụ sở Công an thị trấn Kế Sách	0,14		0,14	TT. Kế Sách	
3	Trụ sở Công an xã Thới An Hội	0,24		0,24	X. Thới An Hội	
4	Trụ sở Công an xã Đại Hải	0,18		0,18	X. Đại Hải	
5	Trụ sở Công an xã Nhơn Mỹ	0,23		0,23	X. Nhơn Mỹ	
6	Trụ sở Công an xã Trinh Phú	0,19		0,19	X. Trinh Phú	Thu hồi đất
7	Trụ sở Công an xã An Lạc Tây	0,25		0,25	X. An Lạc Tây	Thu hồi đất
II	Công trình, dự án Thủ tướng chính phủ chấp thuận					
8	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 91B	50,01	50,01		TT. An Lạc Thôn X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ	Phản đất đã GPMB
III	Công trình, dự án thu hồi đất					
9	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 932B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	11,70	10,00	1,70	X. Đại Hải X. Ba Trinh X. Xuân Hòa	Đã thực hiện xong phần đường, đang GPMB 2 cầu
10	Khu bến cảng phục vụ Cụm Công nghiệp An Lạc Thôn 1	13,76	7,01	6,75	TT. An Lạc Thôn	
11	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu	4,71	3,00	1,71	X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ	Đang thực hiện giai đoạn 2 (GPMB 4 cống)
12	Trường Mẫu giáo Đại Hải, huyện Kế Sách	0,40		0,40	X. Đại Hải	Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
13	Trạm 110kV Kế Sách và đường dây 110kV Phụng Hiệp - Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	1,70	1,00	0,70	X. Đại Hải X. Ba Trinh X. Trinh Phú X. An Lạc Tây	
14	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV, trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp - Sóc Trăng	0,24		0,24	X. Đại Hải	Điều chỉnh diện tích thu hồi còn 0,10 ha
IV	Công trình, dự án chuyển mục đích sử đất					
15	Xây dựng thí điểm Trung tâm Thu mua - Cung ứng nông sản an toàn huyện Kế Sách	0,80		0,80	X. Nhơn Mỹ	
16	Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng công ty TNHH Nông nghiệp VK và Hợp tác Xã Nông nghiệp hữu cơ Lộc Tài	0,57		0,57	X. Kế An	
17	Khu nghỉ địa Rạch Vọp	0,50		0,50	X. An Lạc Tây	
V	Công trình, dự án xây dựng trên nền hiện trạng					
*	Công trình đất giao thông (Nhà nước và nhân dân cùng làm)					
1	Đường cấp kênh Cây Sao – Tân Cư	1,35	1,35		X. Ba Trinh	
2	Đường cấp kênh Bưng Sáu	0,12	0,12		X. Ba Trinh	
3	Đường cấp kênh Hai Thủy - Sáu Cụt	0,50	0,50		X. Ba Trinh	
4	Đường cấp kênh Đồn Tám (bờ Bắc)	0,23	0,23		X. Đại Hải	
5	Nâng cấp mở rộng Tuyến Kinh Giữa 2 - Thành Tân (nối tiếp)	0,24	0,24		X. Kế Thành	
6	Nâng cấp mở rộng Tuyến Ba Lãng - Bò Đề 1 (nối tiếp)	0,36	0,36		X. Kế Thành	
7	Tuyến Ba Lãng - Bò Đề (2)	0,33	0,33		X. Kế Thành	
8	Tuyến kênh Giữa 2 - Bưng Túc 2 bên (3)	0,36	0,36		X. Kế Thành	
9	Tuyến Sóc Ông Tổng - Lý Minh Sơn	0,42	0,42		X. Thới An Hội	
10	Tuyến Ngọn Đoan Bên Than	0,44	0,44		X. Thới An Hội	
11	Mở rộng tuyến đường Thanh Tâm đến Chùa Ông Bồn (ấp 1)	0,91	0,91		X. Trinh Phú	
12	Mở rộng tuyến đường Sóc Ông Tổng phần còn lại (ấp 9)	0,65	0,65		X. Trinh Phú	
13	Tuyến đường ViAn Sát kênh 3 Um phần còn lại (ấp 9)	0,39	0,39		X. Trinh Phú	
14	Nâng cấp mở rộng đường vành đai 03 ấp An Định, An Thành, An Phú	1,64	1,64		TT. Kế Sách	
15	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Hoàng Huy ấp An Ninh 2, (từ cầu Hai Hải đến cầu Bà Tép)	0,60	0,60		TT. Kế Sách	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
16	Nâng cấp đường Thiều Văn Chối áp An Định	0,40	0,40		TT. Kế Sách	
17	Tuyến cấp kênh Kinh củ Bờ Tây (đoạn từ nhà Ông Võ Văn Công đến Voi Giữa)	0,96	0,96		X. Xuân Hòa	
18	Tuyến Ngã Tư trên - Ngọn Mật Cật	0,72	0,72		X. Xuân Hòa	
19	Tuyến Cặp Sông Lung Sen Lớn (nối tiếp)	0,30	0,30		X. Xuân Hòa	
20	Tuyến Phú Tây 1 (từ 3 Công đến chùa Thiên Đức)	0,54	0,54		X. An Mỹ	
21	Đường Trường Thọ - Trường Lộc 5 (từ 7 Giàu - cuối kênh cây chôm)	1,05	1,05		X. An Mỹ	
22	Đường Phụng An - Trường Phú (đoạn từ Cầu An Mỹ - giáp ranh xã Song Phụng)	0,42	0,42		X. An Mỹ	
23	Tuyến Trường Thọ - An Nghiệp	0,33	0,33		X. An Mỹ	
VI	Khu vực giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					
1	Ban Trị sự Phật giáo Hòa Hảo	0,05		0,05	X. Xuân Hòa	
2	Thuê đất mặt nước các khu vực khai thác cát	433,94	433,94		X. Phong Năm X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ	
3	Trạm y tế xã Kế Thành, huyện Kế Sách	0,33	0,33		X. Kế Thành	
5	Trường Mẫu giáo Phong Năm	0,30	0,30		X. Phong Năm	
6	Trường Tiểu học Trinh Phú 1	0,54	0,54		X. Trinh Phú	
7	Nâng cấp Trường Tiểu học Trinh Phú 3	0,40	0,40		X. Trinh Phú	
8	Mở rộng trường THCS Trinh Phú	0,40	0,40		X. Trinh Phú	
9	Trụ sở Tòa Án	0,50	0,50		TT. Kế Sách	
10	Trụ sở Chi cục thi hành án	0,20	0,20		TT. Kế Sách	
11	Khu tái định cư	0,49	0,49		X. Nhơn Mỹ	
VII	Khu vực kêu gọi đầu tư					
1	Cụm công nghiệp An Lạc Thôn 1	31,90	31,90		TT. An Lạc Thôn	
2	Cụm công nghiệp An Lạc Thôn 2	21,62	21,62		TT. An Lạc Thôn	
3	Khu nhà ở thương mại	2,30		2,30	TT. An Lạc Thôn	Điều chỉnh thực hiện giai đoạn 1, diện tích 1,20 ha
4	Đường xuống bến hàng hóa (CCN An Lạc Thôn 2)	2,80		2,80	TT. An Lạc Thôn	
5	Nhà dưỡng lão Thiên Đức	0,60		0,60	X. An Mỹ	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
6	Bến khách ngang sông Trà Ếch - Cồn Mỹ Phước - Đường Đức xã Nhơn Mỹ	0,38	0,38		X. Nhơn Mỹ	
7	Du lịch sông nước miệt vườn cồn Mỹ Phước huyện Kế Sách	12,50		12,50	X. Nhơn Mỹ	
8	Khu đất đấu giá kêu gọi đầu tư (thửa số 163, tờ bản đồ số 29)	4,34	4,34		X. Nhơn Mỹ	
VIII	Khu vực bán đấu giá quyền sử dụng đất					
1	Tòa án cũ, ấp An Ninh 1	0,1127		0,1127	TT. Kế Sách	
2	Khởi vận (cũ), ấp An Hòa, xã An Lạc Tây	0,0118		0,0118	X. An Lạc Tây	
3	Trường TH An Lạc Tây (Điểm An Lợi-Cái Trung), ấp An Lợi, xã An Lạc Tây	0,0989		0,0989	X. An Lạc Tây	
4	Trường TH An Lạc Tây (Điểm An Lợi-Khu 4), ấp An Lợi, xã An Lạc Tây	0,0604		0,0604	X. An Lạc Tây	
5	Đất trống Mỹ Huề	0,1931		0,1931	X. Nhơn Mỹ	
6	Công an ấp Mỹ Huề	0,0154		0,0154	X. Nhơn Mỹ	
7	Đội thuế (cũ)	0,0102		0,0102	X. Nhơn Mỹ	
8	Khu đất Ngã 4 Trà Ếch	0,3256		0,3256	X. Nhơn Mỹ	
9	Trạm y tế cũ, ấp 9	0,0495		0,0495	X. Trinh Phú	
10	Tiểu học Thới An Hội 2, ấp Mỹ Hội	0,0159		0,0159	X. Thới An Hội	
11	Tiểu học Thới An Hội 3, Ấp Mỹ Hội	0,0359		0,0359	X. Thới An Hội	
12	Đấu giá thửa đất 74, tờ 49	0,2045		0,2045	X. Thới An Hội	
13	Tiểu học Đại Hải 3 - ấp Ba Rinh, xã Đại Hải (điểm Nhà Ông Út)	0,0208		0,0208	X. Đại Hải	
14	Tiểu học Đại Hải 5 - ấp Hậu Bồi	0,0208		0,0208	X. Đại Hải	
15	Tiểu học Đại Hải 1 - ấp Ba Rinh, xã Đại Hải (điểm Kinh Tây)	0,0167		0,0167	X. Đại Hải	

Bảng 03: Danh mục công trình, dự án đề xuất hủy bỏ, không chuyển tiếp

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
I	Công trình, dự án thu hồi đất					
1	Trường Tiểu học Kế An 3	0,60	0,40	0,20	X. Kế An	Hủy bỏ chủ trương đầu tư
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất					
2	Khu nhà ở thương mại Thới An Hội	1,10	0,10	1,00	X. Thới An Hội	Hủy bỏ theo quy định tại Khoản 7, Điều 76 Luật Đất đai năm 2024 (công trình, dự án đăng ký KHSDĐ 02 năm liên tiếp)

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
3	Dự án sắp xếp ổn định dân cư	0,95		0,95	X. Thới An Hội	Hủy bỏ theo quy định tại Khoản 7, Điều 76 Luật Đất đai năm 2024 (công trình, dự án đăng ký KHSDĐ 02 năm liên tiếp)
4	Khu nhà ở thương mại trung tâm huyện Kế Sách	5,60		5,60	TT. Kế Sách	
III	Công trình, dự án xây dựng trên nền hiện trạng					
*	Công trình đất giao thông (Nhà nước và nhân dân cùng làm)					
5	Đường đal kênh trường học ấp An Khương	0,70	0,70		TT. Kế Sách	Không triển khai thực hiện năm 2025
6	Đường đal nội ấp An Ninh 1 (từ nhà ông 2 Cẩn đến cầu Thanh Niên)	0,52	0,52		TT. Kế Sách	
7	Xây dựng mới đường đal ven Sông Số 1 ấp An Ninh 2	0,07	0,07		TT. Kế Sách	
8	Nâng cấp đường đal ven Sông Số 1 ấp An Định	0,19	0,19		TT. Kế Sách	
9	Đường đal ven Sông Số 1 ấp An Ninh 1	0,21	0,21		TT. Kế Sách	
IV	Khu vực bán đấu giá quyền sử dụng đất					
10	UBND TT Kế Sách, ấp An Phú	0,2171		0,2171	TT. Kế Sách	Chưa triển khai thực hiện đấu giá năm 2025
11	Đất nghĩa trang, ấp 9	0,1084		0,1084	X. Trinh Phú	
12	Đất trống, ấp Đại An	0,2708		0,2708	X. Thới An Hội	
13	Nghĩa địa, ấp Đại An	0,1560		0,1560	X. Thới An Hội	

- Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất trồng cây lâu năm: thực hiện được 4,27 ha/61,87 ha, chưa đạt so với kế hoạch;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nuôi trồng thủy sản: thực hiện được 0,00 ha/60,00 ha, chưa đạt so với kế hoạch;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất nông nghiệp khác: thực hiện được 0,00 ha/9,53 ha, chưa đạt so với kế hoạch;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại, dịch vụ: thực hiện được 0,01 ha/18,00 ha, đạt 0,06% kế hoạch;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:

thực hiện được 0,33 ha/7,73 ha, đạt 4,27% kế hoạch;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn: thực hiện được 0,52 ha/5,10 ha, đạt 10,20% kế hoạch;

+ Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị: thực hiện được 0,15 ha/3,70 ha, đạt 4,05% kế hoạch;

Bảng 04: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Diện tích đã thực hiện	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
1	Chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình, cá nhân	61,87		61,87	4,27	Các xã, thị trấn	Đạt 6,90%
2	Chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm sang đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình, cá nhân	60,00		60,00		X. Phong Năm X. Nhơn Mỹ X. An Lạc Tây	
3	Chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác của hộ gia đình, cá nhân	9,53		9,53		Các xã, thị trấn	
4	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân dọc theo các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, các khu trung tâm thị trấn	18,00		18,00	0,01	Các xã, thị trấn	Đạt 0,06%
5	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân dọc theo các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, các khu trung tâm thị trấn	7,73		7,73	0,33	Các xã, thị trấn	Đạt 4,27%
6	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân	5,10		5,10	0,52	Các xã	Đạt 10,20%
7	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân	3,70		3,70	0,15	TT. An Lạc Thôn TT. Kế Sách	Đạt 4,05%

2. Đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Kế Sách cụ thể như sau:

Bảng 05: Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2024

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch tăng (+), giảm (-)	Thực hiện tăng (+), giảm (-)	So sánh KH/TH	
				Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện			Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(8)	(10)=(8)/(7) *100%
	TỔNG DTTN (1+2+3)		35.326,40	35.326,40	35.326,40				
1	Đất nông nghiệp	NNP	27.654,03	27.599,86	27.646,17	-54,17	-7,86	-46,31	14,51
	<i>Trong đó:</i>								
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.758,68	9.673,40	9.751,15	-85,28	-7,53	-77,75	8,83
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>9.758,68</i>	<i>9.673,40</i>	<i>9.751,15</i>	<i>-85,28</i>	<i>-7,53</i>	<i>-77,75</i>	<i>8,83</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	29,34	29,34	29,34				
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	17.695,52	17.657,10	17.695,19	-38,42	-0,33	-38,09	0,86
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	40,93	40,93	40,93				
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX							
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>							
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	101,17	161,17	101,17	60,00		60,00	
1.8	Đất làm muối	LMU							
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,40	37,93	28,40	9,53		9,53	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.672,37	7.726,54	7.680,23	54,17	7,86	46,31	14,51
	<i>Trong đó:</i>								
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,70	5,70	5,70				
2.2	Đất an ninh	CAN	1,74	3,26	1,74	1,52		1,52	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	121,63	121,63	121,63				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	53,52	53,52	53,52				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,68	21,86	2,69	19,18	0,01	19,17	0,05
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	8,35	10,65	8,78	2,30	0,43	1,87	18,70
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS							
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX							
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.816,99	1.833,78	1.823,84	16,79	6,85	9,94	40,80
	<i>Trong đó:</i>								
-	Đất giao thông	DGT	876,50	889,12	880,96	12,62	4,46	8,16	35,34
-	Đất thủy lợi	DTL	805,15	807,37	805,84	2,22	0,69	1,53	31,08

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Năm 2024		Kế hoạch tăng (+), giảm (-)	Thực hiện tăng (+), giảm (-)	So sánh KH/TH	
				Kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện			Tăng (+), giảm (-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)-(4)	(8)=(6)-(4)	(9)=(7)-(8)	(10)=(8)/(7) *100%
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,51	2,51	2,51				
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,53	6,53	6,53				
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	43,57	45,87	45,27	2,30	1,70	0,60	73,91
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,16	0,16	0,16				
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,88	3,82	2,88	0,94		0,94	
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,45	0,45	0,45				
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG							
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT							
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,47	1,23	1,47	-0,24		-0,24	
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	45,09	44,89	45,09	-0,20		-0,20	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	30,28	29,43	30,28	-0,85		-0,85	
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH							
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,03	0,03	0,03				
-	Đất chợ	DCH	2,37	2,37	2,37				
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL							
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,46	0,46	0,46				
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,51	0,51	0,51				
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	636,31	643,16	636,69	6,85	0,38	6,47	5,55
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	90,43	100,11	92,18	9,68	1,75	7,93	18,08
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,94	7,35	7,94	-0,59		-0,59	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,30	0,30	0,30				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG							
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	7,36	7,36	7,36				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4.917,07	4.915,51	4.915,51	-1,56	-1,56		100,00
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC							
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,45	1,45	1,45				
3	Đất chưa sử dụng	CSD							

Nguồn: KHSDĐ năm 2024 được phê duyệt, thống kê đất đai năm 2023 (có cập nhật biến động hiện trạng năm 2024)

1.1. Đất nông nghiệp

Hiện trạng năm 2023 là 27.654,03 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 54,17 ha,

thực tế thực hiện giảm 7,86 ha, đạt 14,51%. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch còn nhiều công trình, dự án có sử dụng đất nông nghiệp nhưng chưa thực hiện được (*chủ yếu là do công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư vẫn còn mất nhiều thủ tục và thời gian, giá đất chưa sát với thực tế dẫn đến tình trạng chưa nhận được sự đồng thuận của các hộ dân, dẫn đến kéo dài thời gian bàn giao mặt bằng thực hiện dự án*). Trong đó:

- **Đất trồng lúa:** Hiện trạng năm 2023 là 9.758,68 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 85,28 ha, thực tế thực hiện giảm 7,53 ha, đạt 8,83%. Nguyên nhân do còn nhiều công trình, dự án có thu hồi đất trồng lúa nhưng chưa thực hiện được.

- **Đất trồng cây hàng năm khác:** Hiện trạng năm 2023 là 29,34 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất trồng cây lâu năm:** Hiện trạng năm 2023 là 17.695,52 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 38,42 ha, thực tế thực hiện giảm 0,33 ha, đạt 0,86%. Nguyên nhân do còn nhiều công trình, dự án có sử dụng đất trồng cây lâu năm chưa thực hiện được như: *các tuyến đường huyện, giao thông nông thôn, các công trình hạ tầng,...*

- **Đất rừng phòng hộ:** Hiện trạng năm 2023 là 40,93 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất nuôi trồng thủy sản:** Hiện trạng năm 2023 là 101,17 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 60,00 ha, thực tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch dự kiến chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm sang đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình, cá nhân nhưng chưa thực hiện được.

- **Đất nông nghiệp khác:** Hiện trạng năm 2023 là 28,40 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 9,53 ha, thực tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch dự kiến chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác của hộ gia đình, cá nhân nhưng chưa thực hiện được.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Hiện trạng năm 2023 là 7.672,37 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 54,17 ha, thực tế thực hiện tăng 7,86 ha, đạt 14,51%. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch còn nhiều công trình, dự án thuộc nhóm đất phi nông nghiệp chưa thực hiện được. Trong đó:

- **Đất quốc phòng:** Hiện trạng năm 2023 là 5,70 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất an ninh:** Hiện trạng năm 2023 là 1,74 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 1,52 ha, thực tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do chưa thực hiện được các công trình, dự án trụ sở công an các xã, thị trấn trong năm kế hoạch.

- **Đất khu công nghiệp:** Hiện trạng năm 2023 là 121,63 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất cụm công nghiệp:** Hiện trạng năm 2023 là 53,52 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất thương mại, dịch vụ:** Hiện trạng năm 2023 là 2,68 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 19,18 ha, thực tế thực hiện tăng 0,01 ha, đạt 0,05%. Nguyên nhân do chưa thực hiện được dự án *Xây dựng thí điểm Trung tâm Thu mua - Cung ứng nông sản an toàn huyện Kế Sách; Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng công ty TNHH Nông nghiệp VK và Hợp tác Xã Nông nghiệp hữu cơ Lộc Tài* và chuyển mục đích sang đất thương mại, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024 chưa đạt so với kế hoạch.

- **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp:** Hiện trạng năm 2023 là 8,35 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 2,30 ha, thực tế thực hiện tăng 0,43 ha, đạt 18,70%. Nguyên nhân do chuyển mục đích sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024 chưa đạt so với kế hoạch.

- **Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:** Hiện trạng năm 2023 là 1.816,99 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 16,79 ha, thực tế thực hiện tăng 6,85 ha, đạt 40,80%. Trong đó, chi tiết các loại đất như:

+ **Đất giao thông:** Hiện trạng năm 2023 là 876,50 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 12,62 ha, thực tế thực hiện tăng 4,46 ha, đạt 35,34%. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được các dự án *Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 932B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng* và *Khu bến cảng phục vụ Cụm Công nghiệp An Lạc Thôn 1*.

+ **Đất thủy lợi:** Hiện trạng năm 2023 là 805,15 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 2,22 ha, thực tế thực hiện tăng 0,69 ha, đạt 31,08%. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được dự án *Công trình kiểm soát nguồn nước bờ*

Nam sông Hậu.

+ **Đất xây dựng cơ sở văn hóa:** Hiện trạng năm 2023 là 2,51 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

+ **Đất xây dựng cơ sở y tế:** Hiện trạng năm 2023 là 6,53 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

+ **Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:** Hiện trạng năm 2023 là 43,57 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 2,30 ha, thực tế thực hiện tăng 1,70 ha, đạt 73,91%. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được các dự án *Trường Tiểu học Kế An 3 và Trường Mẫu giáo Đại Hải, huyện Kế Sách.*

+ **Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:** Hiện trạng năm 2023 là 0,16 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

+ **Đất công trình năng lượng:** Hiện trạng năm 2023 là 2,88 ha, kế hoạch năm 2023 tăng 0,94 ha, thực hiện tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được dự án *Trạm 110kV Kế Sách và đường dây 110kV Phụng Hiệp - Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng và Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV, trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp - Sóc Trăng.*

+ **Đất công trình bưu chính viễn thông:** Hiện trạng năm 2023 là 0,45 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

+ **Đất bãi thải, xử lý chất thải:** Hiện trạng năm 2023 là 1,47 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 0,24 ha, thực tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa giảm để thực hiện dự án *Trụ sở Công an xã Thới An Hội.*

+ **Đất cơ sở tôn giáo:** Hiện trạng năm 2023 là 45,09 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 0,20 ha, thực tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện giao đất được *Ban Trị sự Phật giáo Hòa Hảo*; đồng thời chưa giảm để thực hiện *Dự án sắp xếp ổn định dân cư xã Thới An Hội.*

+ **Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng:** Hiện trạng năm 2023 là 30,28 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 0,85 ha, thực tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được dự án *Khu nghĩa địa Rạch Vọt*; đồng thời chưa giảm để thực hiện các dự án *Trụ sở Công an xã Nhơn Mỹ; Xây dựng thí điểm Trung tâm Thu mua - Cung ứng nông sản an toàn huyện*

Kế Sách; Dự án sắp xếp ổn định dân cư.

+ **Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội:** Hiện trạng năm 2023 là 0,03 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

+ **Đất chợ:** Hiện trạng năm 2023 là 2,37 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất sinh hoạt cộng đồng:** Hiện trạng năm 2023 là 0,46 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:** Hiện trạng năm 2023 là 0,51 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất ở tại nông thôn:** Hiện trạng năm 2023 là 636,31 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 6,85 ha, thực tế thực hiện tăng 0,38 ha, đạt 5,55%. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được các dự án *Khu nhà ở thương mại Thới An Hội; Dự án sắp xếp ổn định dân cư* và chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024 chưa đạt so với kế hoạch.

- **Đất ở tại đô thị:** Hiện trạng năm 2023 là 90,43 ha, kế hoạch năm 2024 tăng 9,68 ha, thực tế thực hiện tăng 1,75 ha, đạt 18,08% . Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa thực hiện được dự án *Khu nhà ở thương mại trung tâm huyện Kế Sách* và chuyển mục đích sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2024 chưa đạt so với kế hoạch.

- **Đất xây dựng trụ sở cơ quan:** Hiện trạng năm 2023 là 7,94 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 0,59 ha, thực tế chưa thực hiện được. Nguyên nhân do trong năm kế hoạch chưa giảm để thực hiện Trụ sở công an các xã, thị trấn.

- **Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:** Hiện trạng năm 2023 là 0,30 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất tín ngưỡng:** Hiện trạng năm 2023 là 7,36 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

- **Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối:** Hiện trạng năm 2023 là 4.917,07 ha, kế hoạch năm 2024 giảm 1,56 ha, thực tế thực hiện giảm 1,56 ha, đạt 100%.

- **Đất phi nông nghiệp khác:** Hiện trạng năm 2023 là 1,45 ha, kế hoạch năm 2024 ổn định so với hiện trạng.

1.3. Đất chưa sử dụng

Trên địa bàn huyện Kế Sách không còn đất chưa sử dụng.

3. Đánh giá kết quả chuyển đổi giữa các loại đất năm 2024

3.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 54,17 ha. Thực hiện là 7,86 ha, thấp hơn 46,31 ha, đạt 14,51% kế hoạch. Trong đó:

- Đất trồng lúa: chỉ tiêu được duyệt là 17,88 ha. Thực hiện là 3,26 ha, thấp hơn 14,62 ha, đạt 18,23% kế hoạch.

- Đất trồng cây lâu năm: chỉ tiêu được duyệt là 36,29 ha. Thực hiện là 4,60 ha, thấp hơn 31,69 ha, đạt 12,68% kế hoạch.

3.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Năm 2024, theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu chuyển đổi giữa các loại đất trong nội bộ đất nông nghiệp là 131,40 ha. Thực hiện là 4,27 ha, thấp hơn 127,13 ha, đạt 3,25% kế hoạch., trong đó toàn bộ là chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm.

3.3. Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Năm 2024, theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu chuyển đổi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 6,18 ha, thực tế chưa thực hiện được so với kế hoạch.

Bảng 06: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2024

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	54,17	7,86	-46,31	14,51
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	17,88	3,26	-14,62	18,23
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>17,88</i>	<i>3,26</i>	<i>-14,62</i>	<i>18,23</i>

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	36,29	4,60	-31,69	12,68
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		131,40	4,27	-127,13	3,25
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	61,87	4,27	-57,60	6,90
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	5,53		-5,53	
2.3	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	CLN/NTS	60,00		-60,00	
2.4	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	4,00		-4,00	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	6,18		-6,18	

4. Đánh giá kết quả thu hồi đất năm 2024

Theo kế hoạch được duyệt, chỉ tiêu đất nông nghiệp cần thu hồi là 17,08 ha, thực hiện là 6,75 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 10,33 ha, đạt 39,52%; chỉ tiêu đất phi nông nghiệp cần thu hồi là 1,15 ha, thực hiện là 0,14 ha, thấp hơn chỉ tiêu được duyệt 1,01 ha, đạt 12,17%. Nhìn chung, kết quả thu hồi đất năm 2024 đạt thấp so với kế hoạch được duyệt.

Bảng 07: Kết quả thực hiện thu hồi đất trong năm 2024

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
1	Đất nông nghiệp	NNP	17,08	6,75	-10,33	39,52
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4,88	3,10	-1,78	63,52
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>4,88</i>	<i>3,10</i>	<i>-1,78</i>	<i>63,52</i>
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	12,2	3,65	-8,55	29,92
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,15	0,14	-1,01	12,17
	<i>Trong đó:</i>					
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,19		-0,19	
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,10		-0,10	

STT	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích KH được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100
2.3	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,17	0,14	-0,03	82,35
2.4	Đất ở tại đô thị	ODT	0,42		-0,42	
2.5	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,27		-0,27	

5. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Về cơ bản kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện Kế Sách trong năm 2024 đạt kết quả thấp so với kế hoạch. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024 còn một số tồn tại sau:

Tổng số danh mục công trình, dự án thu hồi đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 29 công trình, dự án. Kết quả đã thực hiện được 08/29 công trình, dự án, đạt 27,59% về số lượng công trình, dự án. Các công trình, dự án còn lại đa số đều đang trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục như: giải phóng mặt bằng, điều chỉnh chủ trương đầu tư,...

Các hạng mục chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: thực hiện đạt thấp so với kế hoạch.

6. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Tiến độ triển khai một số công trình trong năm kế hoạch còn chậm nguyên nhân chính là do:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Mặc dù nhiều năm qua địa phương đã siết chặt công tác đăng ký kế hoạch sử dụng đất hàng năm, đặc biệt đối với các dự án có thu hồi đất và sử dụng đất trồng lúa là phải có đầy đủ các căn cứ pháp lý đầu tư chưa đảm bảo theo quy định: Chủ trương chấp thuận cho lập thủ tục đầu tư, danh mục chuẩn bị triển khai dự án của huyện, thông báo lập hồ sơ chuẩn bị đầu tư của Sở Kế hoạch Đầu tư,... Tuy nhiên vấn đề đặt ra là việc cam kết khả năng tài chính của các chủ đầu tư vẫn chưa thực sự được chú trọng, do đó vẫn còn một số dự án chưa được bố trí vốn thực hiện;

+ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 phần lớn được xây dựng, xét duyệt trên cơ sở chuyển tiếp các hạng mục công trình từ kế hoạch sử dụng đất năm 2022, năm 2023. Vì vậy, một số hạng mục đăng ký chuyển tiếp còn mang tính kế thừa, định hướng, nên tính khả thi trong năm kế hoạch chưa cao;

+ Do bối cảnh kinh tế cả nước tăng trưởng chậm lại với nhiều yếu tố rủi ro, thách thức. Ảnh hưởng toàn diện đến nền kinh tế nói chung và các hoạt động đầu tư nói riêng; nguồn lực đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân bị ảnh hưởng, dẫn đến việc kêu gọi đầu tư của một số dự án gặp nhiều khó khăn, chậm thực hiện;

+ Các thủ tục về thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng thường phức tạp, mất nhiều thời gian. Đối với các dự án có diện tích thu hồi đất lớn, ảnh hưởng đến nhiều hộ dân rất khó thực hiện trong năm kế hoạch.

+ Kế hoạch sử dụng đất chưa dự báo được những thay đổi khách quan cũng như nhu cầu phát sinh của các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Một số dự án sau khi đưa vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm thì lại có thay đổi về điều chỉnh địa điểm, quy mô diện tích trong quá trình thực hiện nên làm phát sinh thêm thủ tục pháp lý và thời gian thực hiện kéo dài so với kế hoạch;

+ Nhu cầu đầu tư kết cấu hạ tầng rất lớn nhưng nguồn lực của huyện có hạn, huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nên chưa đáp ứng được nhu cầu tái đầu tư lại cho cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện. Do đó, một số công trình, dự án được phê duyệt trong kế hoạch năm 2024 chưa thực hiện được hoặc triển khai chậm.

- *Nguyên nhân chủ quan:*

+ Khi xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2024, một số địa phương muốn nhanh chóng đạt được các tiêu chí của xã nông thôn mới nên đưa vào kế hoạch sử dụng đất nhiều công trình, dự án nhằm đạt chuẩn về y tế, văn hóa, trường học,... nhưng chưa được phân bổ kinh phí thực hiện trong năm kế hoạch;

+ Việc xác định nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân chỉ mang tính dự báo tương đối, nhiều địa phương có quan điểm đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất để phòng khi có nhu cầu phát sinh (như các chỉ tiêu đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, đất ở), trong khi

nhu cầu thực tế của người dân còn hạn chế. Ngoài ra một số hộ dân có chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không làm thủ tục kê khai, đăng ký theo quy định của Luật Đất đai;

+ Công tác quản lý đất đai của địa phương tuy được tăng cường, giám sát nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, nhiều trường hợp người sử dụng đất chuyển đất nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ chưa được thống kê đặc biệt là dọc theo tuyến quốc lộ Nam Sông hậu;

+ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn do quy trình xác định giá kéo dài, trải qua nhiều công đoạn, còn nhiều hộ dân không đồng thuận chi phí bồi thường dẫn đến không bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án,...

+ Trong quá trình triển khai thực hiện, một số ngành, địa phương có đăng ký dự án nhưng chưa thật sự quan tâm, lên kế hoạch, bố trí nguồn vốn thực hiện dẫn đến một số dự án chậm triển khai. Đồng thời, một bộ phận người sử dụng đất vẫn còn hạn chế về nhận thức trong tổ chức sử dụng đất theo kế hoạch.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025

Theo quy định cấp tỉnh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất từ kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Tuy nhiên, do tính đặc thù đến nay tỉnh chưa phân bổ chỉ tiêu cho huyện để cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn. Do đó, để làm cơ sở cho việc cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn, huyện Kế Sách căn cứ theo hiện trạng sử dụng đất, nhu cầu sử dụng đất của các ngành Trung ương, Tỉnh, huyện và của tổ chức, cá nhân đã đăng ký hoặc dự kiến sử dụng đất trên địa bàn huyện, để tiến hành lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn huyện.

1. Chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn huyện Kế Sách

Bảng 08: Chỉ tiêu sử dụng đất trên địa bàn huyện Kế Sách

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích kế hoạch năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
						TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Nẫm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+..+(19)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(16)
	TỔNG DTTN (1+2+3)		35.326,40	35.326,40		2.030,43	1.463,72	2.769,76	2.935,29	3.185,14	3.866,39	2.147,73	2.546,61	2.920,09	1.730,29	3.262,42	2.654,84	3.813,69
1	Đất nông nghiệp	NNP	27.646,17	27.593,24	-52,93	1.108,17	1.214,01	1.204,44	2.619,77	2.827,80	3.432,95	1.930,82	2.274,65	1.736,55	683,26	2.975,19	2.330,18	3.255,45
	Trong đó:																	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9.751,15	9.668,25	-82,90	57,90	697,99	20,33	1.114,39	539,16	2.463,88	1.150,04	1.208,11			1.723,93	692,52	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	9.751,15	9.668,25	-82,90	57,90	697,99	20,33	1.114,39	539,16	2.463,88	1.150,04	1.208,11			1.723,93	692,52	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	29,34	29,34		5,09	7,80	0,22	12,33	0,71				1,38		0,37	1,44	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	17.695,19	17.655,63	-39,56	1.043,04	505,90	1.101,57	1.492,55	2.287,42	944,00	777,77	1.054,38	1.652,89	655,60	1.250,34	1.635,72	3.254,45
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	40,93	40,93				2,34						38,59				

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích kế hoạch năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
						TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Năm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+.. +(19)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(16)
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>																
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	101,17	161,17	60,00	1,64	0,39	79,49			6,19	2,50	0,55	43,19	27,16	0,05	0,01	
1.8	Đất làm muối	LMU																
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	28,40	37,93	9,53	0,50	1,93	0,50	0,50	0,51	18,88	0,50	11,61	0,50	0,50	0,50	0,50	1,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.680,23	7.733,16	52,93	922,26	249,71	1.565,32	315,52	357,34	433,44	216,91	271,96	1.183,54	1.047,03	287,23	324,66	558,24
	<i>Trong đó:</i>																	
2.1	Đất quốc phòng	CQP	5,70	5,70			5,70											
2.2	Đất an ninh	CAN	1,74	4,28	2,54	0,33	1,91	0,26	0,12	0,11	0,18	0,23	0,15	0,22	0,11	0,32	0,18	0,16
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	121,63	121,63		121,63												
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	53,52	53,52		53,52												
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,69	21,87	19,18	3,72	2,56	2,14	1,00	1,00	1,50	1,57	1,00	1,80	1,00	1,58	1,00	2,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	8,78	16,51	7,73	2,50	6,18	0,66	1,82	1,70	0,34	1,50	0,07	0,20		1,54		
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.823,84	1.835,74	11,90	99,27	116,32	124,01	174,44	167,66	177,90	138,98	144,77	156,61	32,98	210,09	147,64	145,07

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích kế hoạch năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
						TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Năm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+.. +(19)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(16)
	<i>Trong đó:</i>																	
-	Đất giao thông	DGT	880,96	891,52	10,56	61,05	48,44	60,51	82,79	87,50	113,31	53,53	63,33	74,43	28,04	75,77	66,51	76,31
-	Đất thủy lợi	DTL	805,84	807,37	1,53	28,73	42,24	53,38	81,13	74,07	47,48	81,84	75,20	71,73	2,05	122,76	71,34	55,42
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,51	2,51		0,06	0,28			0,14	0,36		0,01	1,47	0,01	0,02		0,16
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,53	6,53		0,36	3,41	0,30	0,08	0,09	0,09	0,17	0,41	0,41	0,33	0,28	0,29	0,31
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	45,27	44,91	-0,36	4,24	8,60	2,13	2,52	3,09	5,38	1,55	1,19	3,19	1,30	4,07	4,17	3,48
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	0,16	0,16			0,16											
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,88	3,68	0,80	0,35	0,07	1,42		0,08	0,10	0,11			0,19	1,04		0,32
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,45	0,45		0,01	0,13		0,05	0,03	0,01	0,05		0,03	0,06	0,02	0,01	0,05
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG																
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT																
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,47	1,23	-0,24				0,98		0,24				0,01			
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	45,09	45,14	0,05	1,48	5,20	3,46	4,50	1,91	8,08	0,47	3,16	2,81	0,79	3,03	2,74	7,51
-	Đất làm nghĩa trangnhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	30,28	29,84	-0,44	2,89	6,76	2,75	2,39	0,75	2,61	1,26	1,47	2,31	0,07	3,00	2,07	1,51
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,03	0,03							0,03							

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích kế hoạch năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
						TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Nẫm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+.. +(19)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(16)
-	Đất chợ	DCH	2,37	2,37		0,10	1,03	0,06			0,21			0,23	0,13	0,10	0,51	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,46	0,46		0,07	0,03	0,03	0,09	0,11				0,01	0,05			0,07
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,51	0,51			0,51											
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	636,69	641,62	4,93			43,01	46,82	60,83	89,68	39,85	47,59	78,48	25,67	40,59	63,38	105,72
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	92,18	99,70	7,52	42,46	57,24											
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,94	7,07	-0,87	0,60	2,66	0,33	0,14	0,35	0,68	0,31	0,63	0,30	0,16	0,22	0,37	0,32
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,30	0,30		0,03	0,04	0,14						0,09				
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	7,36	7,36		0,91	2,62	0,45	0,46	0,29	0,36	0,11	0,07	0,30	0,37	0,65	0,11	0,66
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	4.915,51	4.915,51		597,23	53,96	1.394,31	90,63	124,32	162,32	34,37	77,68	945,53	986,70	32,24	111,98	304,24
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,45	1,45						0,97	0,48							
3	Đất chưa sử dụng	CSD																
II	KHU CHỨC NĂNG																	
1	Đất khu công nghệ cao	KCN																
2	Đất khu kinh tế	KKT																

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2024	Diện tích kế hoạch năm 2025	Chỉ tiêu thực hiện	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
						TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Năm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(7)+.. +(19)	(6)=(5)-(4)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(16)
3	Đất đô thị	KDT		3.494,15		2.030,43	1.463,72											
4	Khu sản xuất nông nghiệp (khu vực chuyên trồng lúa nước, khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm)	KNN		27.353,22		1.106,03	1.211,69	1.122,12	2.619,27	2.827,29	3.407,88	1.927,81	2.262,49	1.654,27	655,60	2.974,64	2.329,68	3.254,45
5	Khu lâm nghiệp (khu vực rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất)	KLN		40,93				2,34						38,59				
6	Khu du lịch	KDL																
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT																
8	Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)	KPC		175,15		175,15												
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC																
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM		21,87		3,72	2,56	2,14	1,00	1,00	1,50	1,57	1,00	1,80	1,00	1,58	1,00	2,00
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV																
12	Khu dân cư nông thôn	DNT		641,62				43,01	46,82	60,83	89,68	39,85	47,59	78,48	25,67	40,59	63,38	105,72
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON		649,45				43,67	48,64	62,53	90,02	41,35	47,66	78,68	25,67	42,13	63,38	105,72

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

2. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất là xác định các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện nhưng phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Theo kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024, đến nay vẫn còn một số chỉ tiêu chưa thực hiện hết. Cụ thể, có 16 công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và 53 các hạng mục, khu vực sử dụng đất khác đã được phê duyệt trong kế hoạch nhưng chưa triển khai thực hiện được (nguyên nhân chính là do khó khăn về chậm vốn đầu tư hoặc chưa hoàn thành thủ tục pháp lý). Tuy nhiên, do năm 2025 vẫn được bố trí vốn hoặc có chủ trương tiếp tục đầu tư nên theo quy định sẽ tiếp tục thực hiện.

Bảng 09: Danh mục công trình, dự án chuyển tiếp sang năm 2025

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh					
1	Mở rộng trụ sở CA huyện Kế Sách	0,29		0,29	TT. Kế Sách	
2	Trụ sở Công an thị trấn Kế Sách	0,1367		0,1367	TT. Kế Sách	
3	Trụ sở Công an xã Thới An Hội	0,2393		0,2393	X. Thới An Hội	
4	Trụ sở Công an xã Đại Hải	0,1766		0,1766	X. Đại Hải	
5	Trụ sở Công an xã Nhơn Mỹ	0,2192		0,2192	X. Nhơn Mỹ	
6	Trụ sở Công an xã Trinh Phú	0,1820		0,1820	X. Trinh Phú	Thu hồi đất
7	Trụ sở Công an xã An Lạc Tây	0,2455		0,2455	X. An Lạc Tây	Thu hồi đất
8	Trụ sở Công an thị trấn An Lạc Thôn	0,1640		0,1640	TT. An Lạc Thôn	
II	Công trình, dự án Thủ tướng chính phủ chấp thuận					
8	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 91B	50,01	50,01		TT. An Lạc Thôn X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ	Phần đất đã GPMB
III	Công trình, dự án thu hồi đất					
9	Khu bến cảng phục vụ Cụm Công nghiệp An Lạc Thôn 1	13,76	7,01	6,75	TT. An Lạc Thôn	
IV	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất					
10	Xây dựng thí điểm Trung tâm Thu mua - Cung ứng nông sản an toàn huyện Kế Sách	0,80		0,80	X. Nhơn Mỹ	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
11	Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng công ty TNHH Nông nghiệp VK và Hợp tác Xã Nông nghiệp hữu cơ Lộc Tài	0,57		0,57	X. Kế An	
V	Công trình, dự án xây dựng trên nền hiện trạng					
*	Công trình đất giao thông (Nhà nước và nhân dân cùng làm)					
1	Đường cặp kênh Cây Sao - Tân Cư	1,35	1,35		X. Ba Trinh	
2	Đường cặp kênh Bung Sáu	0,12	0,12		X. Ba Trinh	
3	Đường cặp kênh Hai Thủy - Sáu Cụt	0,50	0,50		X. Ba Trinh	
4	Đường cặp kênh Tập Đoàn 8 (bờ Bắc)	0,23	0,23		X. Đại Hải	
5	Nâng cấp mở rộng Tuyến Ba Lăng - Bò Đề 1 (nối tiếp)	0,36	0,36		X. Kế Thành	
6	Tuyến Sóc Ông Tổng - Lý Minh Sơn	0,42	0,42		X. Thới An Hội	
7	Mở rộng tuyến đường Thanh Tâm đến Chùa Ông Bồn (ấp 1)	0,91	0,91		X. Trinh Phú	
8	Mở rộng tuyến đường Sóc Ông Tổng phần còn lại (ấp 9)	0,65	0,65		X. Trinh Phú	
9	Tuyến đường ViAn Sát kênh 3 Um phần còn lại (ấp 9)	0,39	0,39		X. Trinh Phú	
10	Nâng cấp mở rộng đường vành đai 03 ấp An Định, An Thành, An Phú	1,64	1,64		TT. Kế Sách	
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Hoàng Huy ấp An Ninh 2, (từ cầu Hai Hải đến cầu Bà Tép)	0,60	0,60		TT. Kế Sách	
12	Nâng cấp đường Thiều Văn Chỏi ấp An Định	0,40	0,40		TT. Kế Sách	
13	Tuyến cặp kênh Kinh củ Bờ Tây (đoạn từ nhà Ông Võ Văn Công đến Voi Giữa)	0,96	0,96		X. Xuân Hòa	
14	Tuyến Cặp Sông Lung Sen Lớn (nối tiếp)	0,30	0,30		X. Xuân Hòa	
15	Tuyến Phú Tây 1 (từ 3 Công đến chùa Thiên Đức)	0,54	0,54		X. An Mỹ	
16	Đường Trường Thọ - Trường Lộc 5 (từ 7 Giàu - cuối kênh cây chôm)	1,05	1,05		X. An Mỹ	
17	Đường Phụng An - Trường Phú (đoạn từ Cầu An Mỹ - giáp ranh xã Song Phụng)	0,42	0,42		X. An Mỹ	
18	Tuyến Trường Thọ - An Nghiệp	0,33	0,33		X. An Mỹ	
VI	Khu vực giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					
1	Ban Trị sự Phật giáo Hòa Hảo	0,05		0,05	X. Xuân Hòa	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
2	Thuê đất mặt nước các khu vực khai thác cát	433,94	433,94		X. Phong Nẫm X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ	
3	Trạm y tế xã Kế Thành, huyện Kế Sách	0,33	0,33		X. Kế Thành	
5	Trường Mẫu giáo Phong Nẫm	0,30	0,30		X. Phong Nẫm	
6	Trường Tiểu học Trinh Phú 1	0,54	0,54		X. Trinh Phú	
7	Nâng cấp Trường Tiểu học Trinh Phú 3	0,40	0,40		X. Trinh Phú	
8	Mở rộng trường THCS Trinh Phú	0,40	0,40		X. Trinh Phú	
9	Trụ sở Tòa Án	0,50	0,50		TT. Kế Sách	
10	Trụ sở Chi cục thi hành án	0,20	0,20		TT. Kế Sách	
11	Khu tái định cư	0,49	0,49		X. Nhơn Mỹ	
VII	Khu vực kêu gọi đầu tư					
1	Cụm công nghiệp An Lạc Thôn 1	31,90	31,90		TT. An Lạc Thôn	
2	Cụm công nghiệp An Lạc Thôn 2	21,62	21,62		TT. An Lạc Thôn	
3	Khu nhà ở thương mại	1,20		1,20	TT. An Lạc Thôn	
4	Đường xuống bến hàng hóa (CCN An Lạc Thôn 2)	2,80		2,80	TT. An Lạc Thôn	
5	Nhà dưỡng lão Thiên Đức	0,60		0,60	X. An Mỹ	
6	Bến khách ngang sông Trà Ếch - Cồn Mỹ Phước - Đường Đức xã Nhơn Mỹ	0,38	0,38		X. Nhơn Mỹ	
7	Du lịch sông nước miệt vườn cồn Mỹ Phước huyện Kế Sách	12,50		12,50	X. Nhơn Mỹ	
8	Khu đất đấu giá kêu gọi đầu tư (thửa số 163, tờ bản đồ số 29)	4,34	4,34		X. Nhơn Mỹ	
VIII	Khu vực bán đấu giá quyền sử dụng đất					
1	Tòa án cũ, ấp An Ninh 1	0,1127		0,1127	TT. Kế Sách	
2	Khối vận (cũ), ấp An Hòa, xã An Lạc Tây	0,0118		0,0118	X. An Lạc Tây	
3	Trường TH An Lạc Tây (Điểm An Lợi-Cái Trung), ấp An Lợi, xã An Lạc Tây	0,0989		0,0989	X. An Lạc Tây	
4	Trường TH An Lạc Tây (Điểm An Lợi-Khu 4), ấp An Lợi, xã An Lạc Tây	0,0604		0,0604	X. An Lạc Tây	
5	Đất trống Mỹ Huề	0,1931		0,1931	X. Nhơn Mỹ	
6	Công an ấp Mỹ Huề	0,0154		0,0154	X. Nhơn Mỹ	
7	Đội thuế (cũ)	0,0102		0,0102	X. Nhơn Mỹ	
8	Khu đất Ngã 4 Trà Ếch	0,3256		0,3256	X. Nhơn Mỹ	

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
9	Trạm y tế cũ, ấp 9	0,0495		0,0495	X. Trinh Phú	
10	Tiểu học Thới An Hội 2, ấp Mỹ Hội	0,0159		0,0159	X. Thới An Hội	
11	Tiểu học Thới An Hội 3, Ấp Mỹ Hội	0,0359		0,0359	X. Thới An Hội	
12	Đầu giá thừa đất 74, tờ 49	0,2045		0,2045	X. Thới An Hội	
13	Tiểu học Đại Hải 3 - ấp Ba Rinh, xã Đại Hải (điểm Nhà Ông Út)	0,0208		0,0208	X. Đại Hải	
14	Tiểu học Đại Hải 5 - ấp Hậu Bồi	0,0208		0,0208	X. Đại Hải	
15	Tiểu học Đại Hải 1 - ấp Ba Rinh, xã Đại Hải (điểm Kinh Tây)	0,0167		0,0167	X. Đại Hải	

Bảng 10: Danh mục công trình, dự án đăng ký Kế hoạch sử dụng đất 02 năm theo quy định tại Khoản 7, Điều 76 Luật Đất đai năm 2024

Stt	Hạng mục	Diện tích đăng ký thu hồi, CMD (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	Nội dung đề xuất chuyển tiếp
I	Công trình, dự án thu hồi đất				
1	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 932B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	1,70	X. Đại Hải X. Ba Trinh X. Xuân Hòa	Chuyển tiếp từ năm 2022	Công trình, dự án cấp bách (Đã thực hiện xong phần đường, đang GPMB 2 cầu)
2	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu	1,71	X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ	Chuyển tiếp từ năm 2023	Công trình, dự án cấp bách (Đang thực hiện giai đoạn 2 (GPMB 4 cống))
3	Trường Mẫu giáo Đại Hải, huyện Kế Sách	0,40	X. Đại Hải	Chuyển tiếp từ năm 2023	Đã được HĐND tỉnh thông qua chủ trương mới, có điều chỉnh vị trí so với năm 2024
4	Trạm 110kV Kế Sách và đường dây 110kV Phụng Hiệp - Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	0,70	X. Đại Hải X. Ba Trinh X. Trinh Phú X. An Lạc Tây	Chuyển tiếp từ năm 2023	Công văn đăng ký số 2976/PCST-KHVT ngày 16/9/2024 của Công ty Điện lực Sóc Trăng, tuy nhiên chưa có cơ sở pháp lý để chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2025
5	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV, trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp - Sóc Trăng	0,10	X. Đại Hải	Chuyển tiếp từ năm 2021	
II	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất				
6	Khu nghĩa địa Rạch Vọt	0,50	X. An Lạc Tây	Chuyển tiếp từ năm 2020	Chưa có cơ sở pháp lý để chuyển tiếp sang năm kế hoạch 2025

2.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân

a) Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức

Bảng 11: Danh mục các công trình, dự án đăng ký mới năm 2025

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh					
1	Trụ sở Công an xã An Mỹ	0,1228		0,1228	TSC	X. An Mỹ
2	Trụ sở Công an xã Phong Năm	0,1137		0,1137	DGD	X. Phong Năm
3	Trụ sở Công an xã Xuân Hòa	0,1564		0,1564	DGD	X. Xuân Hòa
4	Trụ sở Công an xã Ba Trinh	0,1111		0,1111	DGD	X. Ba Trinh
5	Trụ sở Công an xã Kế An	0,2332		0,2332	DGD	X. Kế An
6	Trụ sở Công an xã Kế Thành	0,1545		0,1545	DGD	X. Kế Thành
II	Công trình, dự án thu hồi đất					
7	Nâng cấp, mở rộng mặt đường, Đường huyện 4 (đoạn Thới An Hội - Nam Sông Hậu) huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	2,40		2,40	LUC(0,20); CLN(2,10); ONT(0,10);	X. Thới An Hội X. An Lạc Tây
III	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất					
8	Khu dân cư thương mại trung tâm huyện Kế Sách	4,26		4,26	CLN(4,24); ODT(0,02)	TT. Kế Sách
III	Công trình nhà nước và nhân dân cùng làm					
	<i>Các tuyến giao thông nông thôn nhà nước và nhân dân cùng làm</i>					<i>Đăng ký KHSDD thực hiện các thủ tục về đất đai</i>
1	Xây dựng mới đường đal Kênh Chính	0,33	0,33			TT. Kế Sách
2	Nâng cấp mở rộng đường đal nội ấp An Thành và Cầu Kênh Nổi, TT. Kế Sách	0,35	0,35			TT. Kế Sách
3	Tuyến kênh Tào Khai đoạn từ NTLS cũ đến đất ông Nguyễn Văn Long	0,42	0,42			TT. An Lạc Thôn
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến Rạch Nín 1 (từ cầu Cau Trường đến Phan Văn Truyền)	0,43	0,43			X. An Lạc Tây
5	Nâng cấp mở rộng Tuyến Kinh Giữa 2 - Thành Tân (từ bà Lữ Thị Nhung đến Huỳnh Văn Nhánh)	0,26	0,26			X. Kế Thành
6	Tuyến rạch Mương Khai, Rạch Bàng bờ bắc (A35)	0,12	0,12			X. Nhơn Mỹ
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến Sóc Ông Tổng (nối tiếp)	0,20	0,20			X. Trinh Phú
8	Đường GTNT: Cầu Ba Chợ - Cầu Thanh Niên (nâng cấp, mở rộng)	0,41	0,41			X. Trinh Phú

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
9	Tuyến Ngọn Đoan - Bến Than	0,53	0,53			X. Thới An Hội
10	Tuyến ngã ba NTLS - cầu Thanh Niên đoàn	0,34	0,34			X. Xuân Hòa
11	Tuyến vàm Ba Tính - Rạch Miễu (bờ đông)	0,26	0,26			X. Xuân Hòa
12	Tuyến ngã tư trên - ngọn Mật Cật	0,72	0,72			X. Xuân Hòa
13	Tuyến Rạch Cách	0,36	0,36			X. Xuân Hòa
14	Tuyến cấp kênh Kinh Cũ - giáp Ba Trinh (bờ tây)	0,46	0,46			X. Xuân Hòa
15	Tuyến rạch Hai Cự	0,28	0,28			X. Xuân Hòa
16	Bồi trức, nâng cấp mở rộng, cứng hóa đê bao ấp Phong Hòa, xã Phong Năm, huyện Kế Sách	3,64	3,64			X. Phong Năm
17	Tuyến Ba Lãng - Bò Đề (2)	0,33	0,33			X. Kế Thành
18	Tuyến kinh Giữa 2 - Bưng Túc (2)	0,36	0,36			X. Kế Thành
19	Tuyến Ba Lãng - Bò Đề (3) (nối tiếp)	0,20	0,20			X. Kế Thành
20	Tuyến kênh Giữa 2 - Bưng Túc 2 bên (3) (Đoạn từ cầu trường học Kế Thành 1 đến nhà ông Thạch Sương)	0,26	0,26			X. Kế Thành
21	Tuyến kênh 8 Chanh	0,20	0,20			X. Thới An Hội
22	Tuyến Đại An-An Hòa (đoạn cuối)	0,26	0,26			X. Thới An Hội
23	Tuyến Phụng An 4	0,46	0,46			X. An Mỹ
24	Tuyến Trường Thọ - Trường Lộc	0,47	0,47			X. An Mỹ
25	Tuyến kênh 2 Quang	0,20	0,20			X. An Mỹ
26	Xây dựng đường đal kênh Kiêm Phiên ấp An Định (nối tiếp)	0,06	0,06			TT. Kế Sách
27	Đường nội ấp An Khương (N11)	0,33	0,33			TT. Kế Sách
IV	Các khu vực sử dụng đất khác					
*	Giao đất, cấp giấy CNQSDĐ					
1	Trường Mẫu giáo Trinh Phú	0,87	0,87		DGD	X. Trinh Phú

b). Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân:

Căn cứ vào số liệu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện trong năm 2024; tình hình thực tế, cũng như nhu cầu sử dụng đất của người dân tại địa phương. Dự kiến nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025 trên địa bàn huyện Kế Sách như sau:

Bảng 12: Nhu cầu sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong năm 2025

Stt	Hạng mục	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm (ha)		Địa điểm (đến cấp xã)
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất	
1	Chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình, cá nhân	61,67		61,67	LUC	Các xã
2	Chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm sang đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình, cá nhân	60,00		60,00	CLN	X. Phong Năm, X. Nhơn Mỹ, X. An Lạc Tây
3	Chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác của hộ gia đình, cá nhân	9,53		9,53	LUC(5,53); CLN(4,00)	Các xã, thị trấn
4	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân dọc theo các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, các khu trung tâm thị trấn	18,00		18,00	LUC (6,50); CLN (11,50)	Các xã, thị trấn
5	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân dọc theo các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, các khu trung tâm thị trấn	7,73		7,73	LUC (4,00); CLN (3,73)	Các xã, thị trấn
6	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân	5,10		5,10	LUC(1,50); CLN(3,60)	Các xã
7	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân	3,70		3,70	LUC(1,00); CLN(2,70)	TT. An Lạc Thôn TT. Kế Sách

Đối với các chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất nhỏ lẻ của hộ gia đình, cá nhân không thể hiện được hết vị trí trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2025 do còn gặp nhiều khó khăn khi xác định nhu cầu sử dụng đất thực tế của từng hộ gia đình, cá nhân (về diện tích, vị trí, ranh giới,... của từng thửa đất có nhu cầu chuyển mục đích). Tuy nhiên việc thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân phải đảm bảo các điều kiện:

- Các khu vực cho phép chuyển mục đích sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với bản đồ quy hoạch sử dụng đất, chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 và chỉ tiêu đã đăng ký trong năm 2025 của huyện.

- Đối với các khu vực cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị, đất thương mại - dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phải đảm bảo cơ sở hạ tầng, tiếp giáp với các tuyến đường giao thông hiện hữu.

- Khu vực cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị được xác định từ mép hành lang lộ giới vào đảm bảo cơ sở

hạ tầng theo quy định của thửa đất. Đối với các trường hợp xin chuyển mục đích sử dụng trọn thửa đất (có phần diện tích dôi dư nằm ngoài khu vực cho phép chuyển mục đích thể hiện trên bản đồ, có diện tích nhỏ không đáng kể) thì tùy từng trường hợp Ủy ban nhân dân huyện sẽ xem xét cho phép chuyển mục đích trọn thửa đất theo nhu cầu của người sử dụng nhằm tránh các trường hợp mục đích sử dụng manh mún, gây khó khăn trong công tác quản lý.

- Đối với khu vực dự kiến cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở vẫn cho phép người dân được chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ kết hợp với đất ở trong phạm vi tính từ mép hành lang lộ giới vào theo quy định. Đối với khu vực ngoài phạm vi hành lang lộ giới thì người dân chỉ được phép chuyển mục đích sang đất thương mại - dịch vụ hoặc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

3. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Bảng 13: Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025 của huyện Kế Sách

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Năm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	52,93	11,77	8,44	5,76	2,55	3,32	3,85	3,54	1,30	2,18	1,50	4,40	1,73	2,59
	<i>Trong đó:</i>															
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	15,70	2,60	1,50	1,10	0,70	1,77	2,73	1,70	0,60	0,10		2,20	0,70	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>15,70</i>	<i>2,60</i>	<i>1,50</i>	<i>1,10</i>	<i>0,70</i>	<i>1,77</i>	<i>2,73</i>	<i>1,70</i>	<i>0,60</i>	<i>0,10</i>		<i>2,20</i>	<i>0,70</i>	
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	37,23	9,17	6,94	4,66	1,85	1,55	1,12	1,84	0,70	2,08	1,50	2,20	1,03	2,59
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		131,20	4,50	10,50	48,70	3,50	3,50	6,53	3,50	3,00	29,47	10,50	3,50	3,00	1,00
	<i>Trong đó:</i>															
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	61,67	4,00	10,00	18,20	3,00	3,00	3,50	3,00	2,50	8,97		3,00	2,50	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nông nghiệp khác	LUA/NKH	5,53		0,50	0,25	0,25	0,50	3,03	0,50	0,50					
2.3	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	CLN/NTS	60,00			30,00						20,00	10,00			

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Năm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
2.4	Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất nông nghiệp khác	CLN/NKH	4,00	0,50		0,25	0,25					0,50	0,50	0,50	0,50	1,00
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT														

Ghi chú: -(a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

4. Diện tích đất cần thu hồi

Bảng 14: Kế hoạch thu hồi đất năm 2025 của huyện Kế Sách

Đơn vị tính: ha

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Năm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Đất nông nghiệp	NNP	13,07	5,77		3,03		0,27	1,85			0,78		1,15	0,18	0,04
	Trong đó:															
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2,70	0,10		0,90		0,07	1,53					0,10		
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2,70	0,10		0,90		0,07	1,53					0,10		

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách - tỉnh Sóc Trăng

Stt	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính												
				TT. An Lạc Thôn	TT. Kế Sách	X. An Lạc Tây	X. An Mỹ	X. Ba Trinh	X. Đại Hải	X. Kế An	X. Kế Thành	X. Nhơn Mỹ	X. Phong Năm	X. Thới An Hội	X. Trinh Phú	X. Xuân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(17)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10,37	5,67		2,13		0,20	0,32			0,78		1,05	0,18	0,04
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1,12	0,69	0,29	0,05		0,01	0,01					0,05		0,02
	<i>Trong đó:</i>															
2.1	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,19	0,19												
2.2	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,10	0,10												
-	Đất thủy lợi	DTL	0,10	0,10												
2.4	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,14			0,05		0,01	0,01					0,05		0,02
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	0,42	0,40	0,02											
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,27		0,27											

5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trên địa bàn huyện Kế Sách không còn đất chưa sử dụng.

6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2025

Danh mục các công trình, dự án trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Kế Sách được thể hiện chi tiết trong phần Phụ lục của Báo cáo tóm tắt.

III. GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

Áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp để thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng tiểu vùng trên địa bàn huyện nhằm nâng cao độ phì nhiêu của đất, tránh làm thoái hóa đất, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và đảm bảo phát triển bền vững.

Phát triển nông nghiệp phải gắn với phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế theo hướng chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất nhằm nâng cao giá trị kinh tế trên cơ sở cân nhắc sự phù hợp với điều kiện tự nhiên đảm bảo tính bền vững, lâu dài.

Tăng cường các biện pháp để nâng cao chất lượng đất như tăng độ dày của đất, tôn cao vùng đất trũng thấp; tăng phân bón hữu cơ, phân vi sinh, bón vôi; thau chua đối với đất bị nhiễm phèn.v.v..

Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện xây dựng cánh đồng mẫu lớn, đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu lúa gạo của huyện. Hình thành, phát triển vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ,... Song song với quá trình sử dụng đất, chú trọng bảo vệ, cải tạo môi trường đất, nước và hạn chế tối đa các tác động tiêu cực gây ô nhiễm môi trường, gây lây lan dịch bệnh, sử dụng cạn kiệt tài nguyên,... nhằm đảm bảo phát triển bền vững.

Khuyến cáo nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn do sử dụng quá mức phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật nhằm tích cực làm giàu đất và bảo vệ môi trường.

Di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp xen cài trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung. Kiểm soát chặt chẽ hoạt động xử lý nước thải của các cơ sở sản xuất kinh doanh, các nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn huyện nhằm ngăn ngừa, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, giảm khí thải nhà kính.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, đào tạo và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất trên địa

bàn huyện.

Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và mọi tầng lớp nhân dân về tầm quan trọng của công tác trồng cây phân tán, trồng rừng phòng hộ ven sông nhằm bảo vệ các cơ sở hạ tầng quan trọng trước sự tác động của biến đổi khí hậu và thời tiết cực đoan như nước biển dâng, nguy cơ lũ lụt, xói, sạt lở đất...

Ban hành quy định về quản lý đất đai gắn liền với bảo vệ môi trường, nhằm từng bước nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường của tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong quá trình quản lý, sử dụng đất.

Đối với các dự án đầu tư trên địa bàn, trước khi phê duyệt dự án cần bắt buộc thực hiện việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khi các dự án đi vào hoạt động. Đồng thời kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường.

Thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các dự án sản xuất, kinh doanh trên địa bàn có ứng dụng công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Tiếp tục tăng cường tính công khai minh bạch về cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, đất đai, tín dụng nhằm kêu gọi, khuyến khích mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào các dự án có sử dụng đất với quy mô lớn trên địa bàn, đặc biệt đối với những dự án không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng nhiều lao động, phát triển nông thôn.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình, dự án phục vụ cho mục đích công cộng như giáo dục, y tế, giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng nhằm phát triển kinh tế - xã hội theo mục tiêu đề ra.

Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách của trung ương, tỉnh và các nguồn vốn dự kiến cho năm 2025 để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo kế hoạch nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc thúc đẩy đầu tư

và phát triển trên địa bàn trong những năm tới.

Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách trong việc bồi thường thiệt hại, tái định cư của tỉnh đã ban hành áp dụng trên địa bàn nhằm đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các dự án để sớm triển khai xây dựng và đi vào hoạt động sản xuất góp phần nâng cao hiệu quả của dự án, cũng như góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội năm 2025 và những năm tiếp theo.

3. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất

Tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định, cụ thể:

- Đến các phòng ban, UBND các xã, thị trấn;
- Tại UBND huyện trong suốt thời gian kế hoạch sử dụng đất có hiệu lực;
- Đăng tải các thông tin chủ yếu của kế hoạch trên cổng thông tin điện tử của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và một số cơ quan khác có liên quan.

Phối hợp với các Sở, ngành tỉnh tổ chức triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Tổ chức thông báo cho các địa phương, các cấp - ngành, tổ chức và cá nhân có dự án đăng ký trong kế hoạch sử dụng đất được biết và có kế hoạch triển khai thực hiện, nhằm đảm bảo tiến độ ghi trong kế hoạch sử dụng đất, tránh tình trạng đăng ký nhưng không tổ chức thực hiện.

Thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện, đầu tư của các dự án; kiên quyết thu hồi, hủy bỏ đối với các dự án chậm triển khai, không khả thi hoặc vi phạm kế hoạch sử dụng đất được duyệt; linh hoạt trong việc xúc tiến kêu gọi đầu tư tạo nguồn kinh phí để thực hiện.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt đối với việc chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp và đất thương mại dịch vụ cần dựa trên cơ sở: Đơn đăng ký của người sử dụng đất, phù hợp với khu vực cho phép

chuyển mục đích sử dụng đất thể hiện trên bản đồ và phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ trong năm kế hoạch. Kiên quyết xử lý các trường hợp lấn, chiếm đất, chuyển mục đích không đúng quy định. Tăng cường công tác xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, bắt buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm.

Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính theo hướng đơn giản các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng đất, các nhà đầu tư thực hiện dự án.

Chủ đầu tư phối hợp với các đơn vị bám sát việc thực hiện công tác lập phương án Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng các công trình, dự án sát với tình hình thực tế tại địa phương.

Theo dõi, giám sát chặt chẽ các công trình, dự án thu hồi đất, đôn đốc thực hiện việc thực hiện các Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; đẩy nhanh việc thực hiện ban hành Thông báo thu hồi đất, các thủ tục pháp lý về giá đất. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng (kiểm đếm, đo đạc); hỗ trợ, bồi thường, chi trả kịp thời cho các hộ dân bị thu hồi đất.

4. Các giải pháp khác

Triển khai đồng bộ các chính sách về đất đai hiện hành vào điều kiện cụ thể của huyện. Đặc biệt, thực hiện tốt các chính sách liên quan đến bồi thường hỗ trợ tái định cư như đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đối với những người bị thiếu đất hoặc không còn đất sản xuất khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng các công trình vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

Không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với các trường hợp không đăng ký trong năm kế hoạch (ngoại trừ các công trình mang tính cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng).

Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến chính sách pháp luật về đất đai cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hiểu rõ về quyền và nghĩa vụ có liên quan nhằm sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện hiến đất nhằm xây dựng các

dự án hạ tầng cơ sở - hạ tầng xã hội, phục vụ lợi ích chung của địa phương, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách khuyến khích hỗ trợ, ưu đãi như cho thuê đất, giao đất thông thoáng, tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho đầu tư,... để thu hút và tập hợp các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án trong năm kế hoạch.

Thực hiện những chính sách ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề đối với những hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, để đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện được xây dựng trên cơ sở Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của huyện, tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn năm 2025 và căn cứ vào kết quả điều tra đánh giá hiện trạng, kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2024. Mặt khác, các thông tin về nhu cầu sử dụng đất được điều tra, khảo sát đến từng công trình, dự án và đã được sự đóng góp ý kiến các phòng, ban và địa phương. Vì vậy, đã đáp ứng đúng, đủ nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực và phù hợp với mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, đảm bảo khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai gắn liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường; bảo vệ và tôn tạo di tích lịch sử văn hoá.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện, là căn cứ để phân bổ, khai thác sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất đai trên địa bàn, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh và bảo vệ môi trường sinh thái cho cả trước mắt và lâu dài.

Nội dung Kế hoạch khẳng định rõ tài nguyên đất đai và triển vọng khai thác sử dụng. Về mặt ý nghĩa sẽ tạo cơ sở đảm bảo cho các ngành, các cấp, các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện phát triển đúng định hướng. Cụ thể:

- Đối với nhóm đất nông nghiệp: Tiếp tục giảm để đảm bảo quỹ đất cho nhu cầu sử dụng đất xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong năm kế hoạch. Song huyện cũng xác định các giải pháp nhằm đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Duy trì diện tích đất chuyên trồng lúa nước hiện có đảm bảo an ninh lương thực; chăm sóc và bảo vệ diện tích đất cây lâu năm nhằm nâng cao chất lượng môi trường.

- Đối với nhóm đất phi nông nghiệp: Được xem xét đưa vào kế hoạch sử dụng đất những dự án có tính khả thi; trên cơ sở danh mục dự án do UBND tỉnh quyết định vốn đầu tư trong năm kế hoạch; các dự án do doanh nghiệp đăng ký và cam kết thực hiện trong năm 2025 và nhu cầu chuyển mục đích đất ở của các

hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn. Các loại đất được phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã, đáp ứng đủ nhu cầu, phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo tính hợp lý và tiết kiệm.

2. Kiến nghị

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của huyện Kế Sách đạt hiệu quả cao, phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của huyện; hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất. Đề nghị:

- UBND tỉnh, sớm phê duyệt kế hoạch đề huyện Kế Sách làm căn cứ tổ chức thực hiện công tác quản lý và sử dụng đất đai đúng pháp luật và có hiệu quả cao.

- Tỉnh tập trung nguồn vốn để đầu tư xây dựng hoàn thành các công trình trọng điểm của tỉnh trên địa bàn huyện.

- Tỉnh sớm có giải pháp đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư,... để thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư các dự án trên địa bàn huyện trong năm kế hoạch.

- Tỉnh sớm tăng cường đầu tư, hỗ trợ, đặc biệt là đối với phát triển cơ sở hạ tầng để huyện hoàn thành các công trình, dự án trên địa bàn nhằm thực hiện tốt kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 mà huyện đã đề ra./.

Phụ lục

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA HUYỆN KẾ SÁCH

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
(1)	(2)	(3)=(4) + (5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh								
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh								
1	Mở rộng trụ sở CA huyện Kế Sách	0,29		0,29	ODT(0,02); TSC(0,27)	TT. Kế Sách	Tờ 25, thửa 57, 58, 66, 67, 77 và Tờ 36, thửa 9, 10, 11	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
2	Trụ sở Công an thị trấn Kế Sách	0,1367		0,1367	TSC	TT. Kế Sách	Tờ 7, thửa 47	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
3	Trụ sở Công an xã Thới An Hội	0,2393		0,2393	DRA	X. Thới An Hội	Tờ 83, thửa 11	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
4	Trụ sở Công an xã Đại Hải	0,1766		0,1766	TSC	X. Đại Hải	Tờ 108; thửa 10, 54	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
5	Trụ sở Công an xã Nhơn Mỹ	0,2192		0,2192	NTD	X. Nhơn Mỹ	Tờ 41, thửa 24	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
6	Trụ sở Công an xã Trinh Phú	0,1820		0,1820	CLN	X. Trinh Phú	Tờ 60, thửa 1	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
7	Trụ sở Công an xã An Lạc Tây	0,2455		0,2455	CLN	X. An Lạc Tây	Tờ 52, thửa 104	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2024
8	Trụ sở Công an thị trấn An Lạc Thôn	0,1640		0,1640	TSC	TT. An Lạc Thôn	Tờ 56, thửa 100	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2023
9	Trụ sở Công an xã An Mỹ	0,1228		0,1228	TSC	X. An Mỹ	Tờ 76, MPT 15	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Đăng ký mới năm 2025
10	Trụ sở Công an xã Phong Năm	0,1137		0,1137	DGD	X. Phong Năm	Tờ 51, MPT 14	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Đăng ký mới năm 2025
11	Trụ sở Công an xã Xuân Hòa	0,1564		0,1564	DGD	X. Xuân Hòa	Tờ 51, thửa 9	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Đăng ký mới năm 2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
12	Trụ sở Công an xã Ba Trinh	0,1111		0,1111	DGD	X. Ba Trinh	Tờ 50, thửa 44	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Đăng ký mới năm 2025
13	Trụ sở Công an xã Kế An	0,2332		0,2332	DGD	X. Kế An	Tờ 53, MPT 6	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Đăng ký mới năm 2025
14	Trụ sở Công an xã Kế Thành	0,1545		0,1545	DGD	X. Kế Thành	Tờ 61, thửa 5	CV số 1317/CAT-PH10 ngày 05/10/2022 của CA tỉnh	Đăng ký mới năm 2025
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng								
1.2.1	Công trình, dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất								
1.2.2	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định đầu tư mà phải thu hồi đất								
9	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 91B	50,01	50,01			TT. An Lạc Thôn X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ		Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về đề xuất Dự án "Nâng cấp, cải tạo 03 tuyến Quốc lộ (53,62,91B) tại Đồng bằng Sông Cửu Long", vay vốn Ngân hàng Thế giới	Phần đất đã GPMB
2	Các công trình, dự án còn lại								
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất								
a	Đất giao thông								
10	Nâng cấp, mở rộng Đường tỉnh 932B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	11,70	10,00	1,70	LUC(1,12); CLN(0,55); ONT(0,03)	X. Đại Hải X. Ba Trinh X. Xuân Hòa		NQ số 178/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	Chuyển tiếp từ năm 2022

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
11	Khu bến cảng phục vụ Cụm Công nghiệp An Lạc Thôn 1	13,76	7,01	6,75	LUC (1,00); CLN(4,77); TMD(0,19); DGT(0,29); DTL(0,10); ODT(0,40);	TT. An Lạc Thôn	Tờ 31 thửa 6; tờ 32 thửa 5; tờ 67 thửa 15;110;64;10;2;4;5;6;9;61;6 2;98;99; tờ 68 thửa 1;2;3;4;5;6;7;8;9;10;13;42;4 3;18;22;25;24;23;29;30;35;3 6; tờ số 70 thửa 1;2;3;12;19;29;25;30;31;48; 48;102;103;116;117;38;37;5 3;54;114;	NQ số 123/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	Chuyển tiếp từ năm 2024
12	Nâng cấp, mở rộng mặt đường, Đường huyện 4 (đoạn Thới An Hội - Nam Sông Hậu) huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	2,40		2,40	LUC(0,20); CLN(2,10); ONT(0,10);	X. Thới An Hội X. An Lạc Tây	- X. Thới An Hội: Tờ 7; 11; 73; 76; 77. - X. An Lạc Tây: Tờ 20; 78; 82; 83; 85; 86.	NQ số 79/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án	Đăng ký mới năm 2025
b	Đất thủy lợi								
13	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu	4,71	3,00	1,71	LUC(0,50); CLN(1,26); ONT(0,10)	X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ		NQ số 64/NQ-HĐND ngày 14/10/2022 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	Chuyển tiếp từ năm 2023
c	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo								
14	Trường Mẫu giáo Đại Hải, huyện Kế Sách	0,40		0,40	LUC	X. Đại Hải	Thửa 01, Tờ 38; thửa 01, tờ 39	NQ số 76/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của HĐND tỉnh Sóc Trăng về chủ trương đầu tư dự án	Chuyển tiếp từ năm 2023
d	Đất công trình năng lượng								
15	Trạm 110kV Kế Sách và đường dây 110kV Phụng Hiệp - Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng	1,70	1,00	0,70	LUC(0,30); CLN(0,40)	X. Đại Hải X. Ba Trinh X. Trinh Phú X. An Lạc Tây		NQ số 40/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của HĐND tỉnh Sóc Trăng	Chuyển tiếp từ năm 2023
16	Cải tạo, nâng tiết diện đường dây 110kV, trạm 220kV Cần Thơ - Châu Thành - Phụng Hiệp - Sóc Trăng	0,10		0,10	LUC(0,08); CLN(0,01); ONT(0,01)	X. Đại Hải		Công văn số 2976/PCST- KHVT ngày 16/9/2024 của Công ty Điện lực Sóc Trăng	Chuyển tiếp từ năm 2021
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất								
a	Đất thương mại dịch vụ								
1	Xây dựng thí điểm Trung tâm Thu mua - Cung ứng nông sản an toàn huyện Kế Sách	0,80		0,80	NTD(0,72); DTL(0,08)	X. Nhơn Mỹ	Tờ 41; MPT thửa 24; Tờ 9, thửa 160		Chuyển tiếp từ năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
2	Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng công ty TNHH Nông nghiệp VK và Hợp tác Xã Nông nghiệp hữu cơ Lộc Tài	0,57		0,57	ONT(0,03); CLN(0,54)	X. Kế An	Tờ 6, thửa 22		Chuyển tiếp từ năm 2024
b	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng								
3	Khu nghĩa địa Rạch Vọp	0,50		0,50	CLN	X. An Lạc Tây	Thửa 35, 36, 57, MPT 52, 55 tờ 77	CV số 2547/UBND-KT ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
c	Đất ở tại đô thị								
4	Khu dân cư thương mại trung tâm huyện Kế Sách	4,26		4,26	CLN(4,24); ODT(0,02)	TT. Kế Sách	Tờ 05 thửa 739, 740, 920; Tờ 15 thửa 63, 76	CV số 520/UBND-KT ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh v/v chấp thuận cho Công ty TNHH MTV Bất động sản Hưng Phát nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	Đăng ký mới năm 2025
2.3	Các khu vực sử dụng đất khác								
2.3.1	Công trình, dự án xây dựng trên nền hiện trạng								
a	Đất giao thông (Nhà nước và nhân dân cùng làm)								
1	Đường cấp kênh Cây Sao - Tân Cư	1,35	1,35			X. Ba Trinh			Chuyển tiếp từ năm 2024
2	Đường cấp kênh Bưng Sáu	0,12	0,12			X. Ba Trinh			Chuyển tiếp từ năm 2024
3	Đường cấp kênh Hai Thuỷ - Sáu Cụt	0,50	0,50			X. Ba Trinh			Chuyển tiếp từ năm 2024
4	Đường cấp kênh Tập Đoàn 8 (bờ Bắc)	0,23	0,23			X. Đại Hải			Chuyển tiếp từ năm 2024
5	Nâng cấp mở rộng Tuyến Ba Lãng - Bò Đề 1 (nối tiếp)	0,36	0,36			X. Kế Thành			Chuyển tiếp từ năm 2024
6	Tuyến Sóc Ông Tổng - Lý Minh Sơn	0,42	0,42			X. Thới An Hội			Chuyển tiếp từ năm 2024
7	Mở rộng tuyến đường Thanh Tâm đến Chùa Ông Bồn (ấp 1)	0,91	0,91			X. Trinh Phú			Chuyển tiếp từ năm 2024
8	Mở rộng tuyến đường Sóc Ông Tổng phần còn lại (ấp 9)	0,65	0,65			X. Trinh Phú			Chuyển tiếp từ năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
9	Tuyến đường ViAn Sát kênh 3 Um phần còn lại (ấp 9)	0,39	0,39			X. Trinh Phú			Chuyển tiếp từ năm 2024
10	Nâng cấp mở rộng đường vành đai 03 ấp An Định, An Thành, An Phú	1,64	1,64			TT. Kế Sách			Chuyển tiếp từ năm 2024
11	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Hoàng Huy ấp An Ninh 2, (từ cầu Hai Hải đến cầu Bà Tép)	0,60	0,60			TT. Kế Sách			Chuyển tiếp từ năm 2024
12	Nâng cấp đường Thiều Văn Chỏi ấp An Định	0,40	0,40			TT. Kế Sách			Chuyển tiếp từ năm 2024
13	Tuyến cặp kênh Kinh củ Bờ Tây (đoạn từ nhà Ông Võ Văn Công đến Voi Giữa)	0,96	0,96			X. Xuân Hòa			Chuyển tiếp từ năm 2024
14	Tuyến Cặp Sông Lung Sen Lớn (nối tiếp)	0,30	0,30			X. Xuân Hòa			Chuyển tiếp từ năm 2024
15	Tuyến Phú Tây 1 (từ 3 Công đến chùa Thiên Đức)	0,54	0,54			X. An Mỹ			Chuyển tiếp từ năm 2024
16	Đường Trường Thọ - Trường Lộc 5 (từ 7 Giàu - cuối kênh cây chôm)	1,05	1,05			X. An Mỹ			Chuyển tiếp từ năm 2024
17	Đường Phụng An - Trường Phú (đoạn từ Cầu An Mỹ - giáp ranh xã Song Phụng)	0,42	0,42			X. An Mỹ			Chuyển tiếp từ năm 2024
18	Tuyến Trường Thọ - An Nghiệp	0,33	0,33			X. An Mỹ			Chuyển tiếp từ năm 2024
*	Đăng ký mới năm 2025								
19	Xây dựng mới đường dal Kênh Chính	0,33	0,33			TT. Kế Sách		QĐ chủ trương đầu tư số 193 ngày 21/6/2023	
20	Nâng cấp mở rộng đường đal nội ấp An Thành và Cầu Kênh Nổi, TT. Kế Sách	0,35	0,35			TT. Kế Sách			
21	Tuyến kênh Tào Khai đoạn từ NTLS cũ đến đất ông Nguyễn Văn Long	0,42	0,42			TT. An Lạc Thôn		QĐ chủ trương đầu tư số 195 ngày 21/6/2023	
22	Nâng cấp, mở rộng tuyến Rạch Nín 1 (từ cầu Cau Trường đến Phan Văn Truyền)	0,43	0,43			X. An Lạc Tây		QĐ chủ trương đầu tư số 199 ngày 21/6/2023	
23	Nâng cấp mở rộng Tuyến Kinh Giữa 2 - Thành Tân (từ bà Lữ Thị Nhung đến Huỳnh Văn Nhánh)	0,26	0,26			X. Kế Thành		QĐ chủ trương đầu tư số 201 ngày 21/6/2023	
24	Tuyến rạch Mương Khai, Rạch Bàng bờ bắc (A35)	0,12	0,12			X. Nhơn Mỹ		QĐ chủ trương đầu tư số 204 ngày 21/6/2023	
25	Nâng cấp, mở rộng tuyến Sóc Ông Tổng (nối tiếp)	0,20	0,20			X. Trinh Phú		QĐ chủ trương đầu tư số 209 ngày 21/6/2023	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
26	Đường GTNT: Cầu Ba Chợ - Cầu Thanh Niên (nâng cấp, mở rộng)	0,41	0,41			X. Trinh Phú		QĐ phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 79/QĐ- UB(XDCB).24 ngày 23/4/2024	
27	Tuyến Ngọn Đoan - Bến Than	0,53	0,53			X. Thới An Hội		QĐ chủ trương đầu tư số 211 ngày 21/6/2023	
28	Tuyến ngã ba NTLS - cầu Thanh Niên đoàn	0,34	0,34			X. Xuân Hòa		QĐ chủ trương đầu tư số 202 ngày 21/6/2023	
29	Tuyến vàm Ba Tính - Rạch Miếu (bờ đông)	0,26	0,26			X. Xuân Hòa		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số	
30	Tuyến ngã tư trên - ngọn Mật Cật	0,72	0,72			X. Xuân Hòa			
31	Tuyến Rạch Cách	0,36	0,36			X. Xuân Hòa			
32	Tuyến cặp kênh Kinh Cũ - giáp Ba Trinh (bờ tây)	0,46	0,46			X. Xuân Hòa			
33	Tuyến rạch Hai Cự	0,28	0,28			X. Xuân Hòa			
34	Bồi trúc, nâng cấp mở rộng, cứng hóa đê bao ấp Phong Hòa, xã Phong Nẫm, huyện Kế Sách	3,64	3,64			X. Phong Nẫm			
35	Tuyến Ba Lãng - Bò Đề (2)	0,33	0,33			X. Kế Thành			
36	Tuyến kinh Giữa 2 - Bung Túc (2)	0,36	0,36			X. Kế Thành			
37	Tuyến Ba Lãng - Bò Đề (3) (nối tiếp)	0,20	0,20			X. Kế Thành			
38	Tuyến kênh Giữa 2 - Bung Túc 2 bên (3) (Đoạn từ cầu trường học Kế Thành 1 đến nhà ông Thạch Sương)	0,26	0,26			X. Kế Thành			
39	Tuyến kênh 8 Chanh	0,20	0,20			X. Thới An Hội			
40	Tuyến Đại An-An Hòa (đoạn cuối)	0,26	0,26			X. Thới An Hội			
41	Tuyến Phụng An 4	0,46	0,46			X. An Mỹ			
42	Tuyến Trường Thọ - Trường Lộc	0,47	0,47			X. An Mỹ			
43	Tuyến kênh 2 Quang	0,20	0,20			X. An Mỹ			
44	Xây dựng đường đal kênh Kiêm Phiên ấp An Định (nối tiếp)	0,06	0,06			TT. Kế Sách			
45	Đường nội ấp An Khương (N11)	0,33	0,33			TT. Kế Sách			
2.3.2	Khu vực chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện								

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
1	Chuyển đổi từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm của hộ gia đình, cá nhân	61,67		61,67	LUC	Các xã, thị trấn			
2	Chuyển đổi từ đất trồng cây lâu năm sang đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình, cá nhân	60,00		60,00	CLN	X. Phong Nẫm X. Nhơn Mỹ X. An Lạc Tây			
3	Chuyển đổi từ đất nông nghiệp sang đất nông nghiệp khác của hộ gia đình, cá nhân	9,53		9,53	LUC(5,53); CLN(4,00)	Các xã, thị trấn			
4	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất thương mại, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân dọc theo các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, các khu trung tâm thị trấn	18,00		18,00	LUC(9,50);CL N(13,50)	Các xã, thị trấn			
5	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân dọc theo các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ, Huyện lộ, các khu trung tâm thị trấn	7,73		7,73	LUC(4,00);CL N(3,73)	Các xã, thị trấn			
6	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn của hộ gia đình, cá nhân	5,10		5,10	LUC(1,50); CLN(3,60)	Các xã			
7	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại đô thị của hộ gia đình, cá nhân	3,70		3,70	LUC(1,00); CLN(2,70)	TT. An Lạc Thôn TT. Kế Sách			
2.3.3	Khu vực giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất								
1	Ban Trị sự Phật giáo Hòa Hảo	0,05		0,05	CLN	X. Xuân Hòa	Thửa 881 tờ 02	CV số 2963/UBND-KT ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
2	Thuê đất mặt nước các khu vực khai thác cát	433,94	433,94			X. Phong Nẫm X. An Lạc Tây X. Nhơn Mỹ	Khối I-1; I-2; I-3; I-4; I-5; I-6; I-7	- QĐ số 216/QĐ-UBND ngày 08/11/2010 của UBND tỉnh - QĐ số 1679/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh	Chuyển tiếp từ năm 2023
3	Trạm y tế xã Kế Thành	0,33	0,33		DYT	X. Kế Thành	Thửa 764;765;762 - tờ số 3	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2023
4	Trường Mẫu giáo Phong Nẫm	0,30	0,30		DGD	X. Phong Nẫm	Thửa 99, tờ 37	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2023
5	Trường Tiểu học Trinh Phú 1	0,54	0,54		DGD	X. Trinh Phú	MPT 179, 199, 5 tờ 28	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2023
6	Trường Tiểu học Trinh Phú 3	0,40	0,40		DGD	X. Trinh Phú	Thửa 7 tờ 25	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2023
7	Trường THCS Trinh Phú	0,40	0,40		DGD	X. Trinh Phú	Thửa 34; 35; 52; 53; 117 tờ 7	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
8	Trụ sở Tòa Án	0,50	0,50		TSC	TT. Kế Sách	Thửa 41 tờ 59	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2024
9	Trụ sở Chi cục thi hành án	0,20	0,20		TSC	TT. Kế Sách	Thửa 52 tờ 59	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2024
10	Khu tái định cư	0,49	0,49		ONT	X. Nhơn Mỹ	Tờ 73, thửa số từ 32-85)	Giao đất thu tiền sử dụng đất	Chuyển tiếp từ năm 2024
*	Đăng ký mới năm 2025								
11	Trường Mẫu giáo Trinh Phú	0,87	0,87		DGD	X. Trinh Phú	Tờ 7 thửa 124,125	Giao đất, cấp GCN quyền sử dụng đất	
2.3.4	Khu vực kêu gọi đầu tư								
1	Cụm công nghiệp An Lạc Thôn 1	31,90	31,90		SKN	TT. An Lạc Thôn	Tờ: 25,36, 67,68,70,71		Chuyển tiếp từ năm 2023
2	Cụm công nghiệp An Lạc Thôn 2	21,62	21,62		SKN	TT. An Lạc Thôn	Tờ: 32,71,72, 74,75,76		Chuyển tiếp từ năm 2023
3	Khu nhà ở thương mại	1,20		1,20	DGD(1,09); NTS(0,04); DTL(0,07)	TT. An Lạc Thôn	Tờ 3: thửa 209,139		Chuyển tiếp từ năm 2023
4	Đường xuống bến hàng hóa (CCN An Lạc Thôn 2)	2,80		2,80	LUC(1,00); CLN(1,70); ODT(0,10)	TT. An Lạc Thôn	Tờ 75: thửa 1; 3; 8-10; 14- 16; 36; 38		Chuyển tiếp từ năm 2023
5	Nhà dưỡng lão Thiên Đức	0,60		0,60	CLN(0,30); DGD(0,30)	X. An Mỹ	Thửa 67, 229 tờ 8		Chuyển tiếp từ năm 2023
6	Bến khách ngang sông Trà Ech - Cồn Mỹ Phước - Đường Đức xã Nhơn Mỹ	0,38	0,38		DGT	X. Nhơn Mỹ	Thửa số 107,27; tờ 41;42		Chuyển tiếp từ năm 2023
7	Du lịch sông nước miệt vườn cồn Mỹ Phước huyện Kế Sách	12,50		12,50	CLN(6,70); RPH(5,00); NTS(0,50); ONT(0,30)	X. Nhơn Mỹ	Tờ 24: thửa 23-25; 32; 40; 42; 43; 51-53; 56; 58; 64-66; 75; 76; 83; 89; 90; 108; 125; 166		Chuyển tiếp từ năm 2023
8	Khu đất đấu giá kêu gọi đầu tư (thửa số 163, tờ bản đồ số 29)	4,34	4,34		NTS	X. Nhơn Mỹ	Thửa 163; tờ 29	Đấu giá thực hiện các dự án liên quan đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Chuyển tiếp từ năm 2024
2.3.5	Khu vực bán đấu giá quyền sử dụng đất								
1	Tòa án cũ, ấp An Ninh 1	0,1127		0,1127	TSC	TT. Kế Sách	Thửa 50 tờ 10	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)				Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
		Kế hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm	Sử dụng vào loại đất				
2	Khởi vận (cũ), ấp An Hòa, xã An Lạc Tây	0,0118		0,0118	TSC	X. An Lạc Tây	Thửa 24 tờ 75	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
3	Trường TH An Lạc Tây (Điểm An Lợi-Cái Trung), ấp An Lợi, xã An Lạc Tây	0,0989		0,0989	DGD	X. An Lạc Tây	Thửa 7 tờ 59		
4	Trường TH An Lạc Tây (Điểm An Lợi-Khu 4), ấp An Lợi, xã An Lạc Tây	0,0604		0,0604	DGD	X. An Lạc Tây	Thửa 279 tờ 34		
5	Đất trống Mỹ Huề	0,1931		0,1931	TSC	X. Nhơn Mỹ	Thửa 37 tờ 74	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
6	Công an ấp Mỹ Huề	0,0154		0,0154	TSC	X. Nhơn Mỹ	Thửa 52 tờ 74	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
7	Đội thuế (cũ)	0,0102		0,0102	TSC	X. Nhơn Mỹ	Thửa 51 tờ 74	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
8	Khu đất Ngã 4 Trà Eché	0,3256		0,3256	NTD	X. Nhơn Mỹ	Thửa 96 tờ 9	Đấu giá sang đất ở tại nông thôn (ONT) và đất thương mại dịch vụ (TMD)	
9	Trạm y tế cũ, ấp 9	0,0495		0,0495	DYT	X. Trinh Phú	Thửa 10 tờ 68	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
10	Tiểu học Thới An Hội 2, ấp Mỹ Hội	0,0159		0,0159	DGD	X. Thới An Hội	Thửa 80 tờ 27	QĐ số 392/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh	
11	Tiểu học Thới An Hội 3, Ấp Mỹ Hội	0,0359		0,0359	DGD	X. Thới An Hội	Thửa 224 tờ 40		
12	Đấu giá thừa đất 74, tờ 49	0,2045		0,2045	NTD	X. Thới An Hội	Thửa 74 tờ 49	Đấu giá sang đất ở tại nông thôn (ONT) và đất thương mại dịch vụ (TMD)	
13	Tiểu học Đại Hải 3 - ấp Ba Rinh, xã Đại Hải (điểm Nhà Ông Út)	0,0208		0,0208	DGD	X. Đại Hải	Thửa 52 tờ 90		
14	Tiểu học Đại Hải 4 - ấp Hậu Bối	0,0208		0,0208	DGD	X. Đại Hải	Thửa 07 tờ 42		
15	Tiểu học Đại Hải 1 - ấp Ba Rinh, xã Đại Hải (điểm Kinh Tây)	0,0167		0,0167	DGD	X. Đại Hải	Thửa 23 tờ 101		